

BÁO CÁO

Tình hình sản xuất kinh doanh, đầu tư công, xây dựng hạ tầng và xuất nhập khẩu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Kính gửi: Bộ trưởng Bộ Nội vụ

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ tại Công văn số 2118/BNV-VP ngày 08/5/2023 về việc chuẩn bị báo cáo phục vụ Đoàn công tác theo Quyết định 435/QĐ-TTg ngày 24/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phân công Thành viên Chính phủ chủ trì đôn đốc làm việc với các địa phương về tình hình sản xuất kinh doanh, đầu tư công, xây dựng hạ tầng và xuất nhập khẩu trên địa bàn, UBND tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo một số nội dung như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ, Kết luận của Tỉnh ủy¹, Nghị quyết của HĐND tỉnh², UBND tỉnh đã ban hành các quyết định, chỉ thị³ chỉ đạo quyết liệt các sở, ban ngành và địa phương triển khai thực hiện nghiêm túc, kịp thời các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội (KTXH), cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh, tiếp tục triển khai các giải pháp thúc đẩy phục hồi, phát triển KTXH kịp thời, hiệu quả đối với từng ngành, lĩnh vực theo Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ.

Ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã quán triệt, phát động phong trào thi đua thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KTXH của tỉnh năm 2023 với chủ đề “*Đẩy mạnh cải cách hành chính; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cấp ủy, chính quyền; thực hiện hiệu quả Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và 03 Chương trình mục tiêu quốc gia*”; khẩn trương khắc phục những tồn tại, hạn chế, vượt qua khó khăn, thách thức, chủ động bám sát tình hình, triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các dự án đầu tư ngoài ngân

¹ Kết luận số 1492-KL/TU ngày 05/12/2022 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 10 (Khóa XX) về tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2022; mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp năm 2023.

² Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển KTXH năm 2023.

³ Quyết định số 1575/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND tỉnh về Chương trình công tác trọng tâm năm 2023; Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2023; Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 Ban hành Kế hoạch hành động thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh Quảng Ngãi năm 2023; Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 01/01/2023 về việc tăng cường các biện pháp thu ngân sách nhà nước năm 2023; Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 18/01/2023 về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023; Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 19/01/2023 về tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh.

sách, kịp thời giải quyết kiến nghị của doanh nghiệp để huy động nguồn lực phát triển KTXH trên địa bàn tỉnh.

Trong điều kiện còn nhiều khó khăn, thách thức do nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó, ảnh hưởng của sự suy thoái kinh tế toàn cầu đã tác động đến tình hình KTXH trong nước nói chung, nhất là thị trường trái phiếu doanh nghiệp, lãi suất ngân hàng tăng cao, lạm phát tăng cao nhưng Tỉnh vẫn giữ được sự ổn định và duy trì tốc độ phát triển kinh tế theo chỉ tiêu đã được đặt ra trong năm 2023, cụ thể: Thu ngân sách đạt khá, trong 4 tháng đầu năm 2023 ước đạt 9.252 tỷ đồng, bằng 75,2% so với cùng kỳ và bằng 38,7% dự toán năm do HĐND tỉnh giao, bằng 39,5% dự toán Trung ương giao; sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản phát triển ổn định; sản lượng thủy sản đánh bắt tăng khá (đạt 91.369,4 tấn, tăng 1,8%); tổng mức bán lẻ hàng hóa, dịch vụ, hoạt động thương mại, vận tải tăng mạnh (đạt 23.321 tỷ đồng, tăng 11,7%); tỷ lệ giải ngân của Tỉnh ước đến ngày 30/4/2023 đạt 21,3% kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ giao và đạt 20,8% kế hoạch vốn HĐND tỉnh giao, cao hơn mức bình quân chung của cả nước (14,66%); công tác bàn giao mặt bằng dự án đường cao tốc Bắc Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025 đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn được thực hiện theo đúng tinh thần Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính phủ và được Thủ tướng Chính phủ chọn Quảng Ngãi là điểm cầu trung tâm tổ chức Lễ khởi công 12 dự án thành phần thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 (đến nay, đã bàn giao mặt bằng để thi công Dự án được 50,89/60,3km, đạt 84,4%), bàn giao 100% mặt bằng trước ngày 30/6/2023 theo đúng chỉ đạo của Chính phủ; hoàn chỉnh nội dung Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 để trình HĐND tỉnh Khóa XIII thông qua tại kỳ họp thứ 14; hoàn thành việc công bố, công khai Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2045 theo Quyết định số 168/QĐ-TTg ngày 28/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ và cho triển khai các bước lập Quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị cho các khu chức năng trong khu kinh tế để có cơ sở kêu gọi, thu hút các dự án đầu tư vào địa bàn Khu kinh tế Dung Quất; rà soát, xử lý bước đầu các vướng mắc, tồn tại của các dự án đầu tư ngoài ngân sách để cho chủ trương định hướng xử lý từng dự án; tập trung chỉ đạo, giải quyết các tồn tại, vướng mắc để xử lý về cơ bản đối với các dự án đầu tư trong lĩnh vực môi trường; chỉ đạo chấn chỉnh và đẩy nhanh tiến độ để đưa các mỏ cát đã đấu giá trong thời gian vừa qua vào khai thác, cung cấp cho thị trường, không để tạo sự khan hiếm về cát xây dựng trên địa bàn tỉnh; các Chương trình mục tiêu quốc gia được triển khai thực hiện đồng bộ, kịp thời; các nhiệm vụ trong Chương trình công tác trọng tâm của UBND tỉnh và các nhiệm vụ phát sinh được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao được các sở, ban ngành, địa phương thực hiện kịp thời, đáp ứng yêu cầu đặt ra; lĩnh vực văn hóa - xã hội có nhiều chuyển biến, đã tổ chức nhiều sự kiện để phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí cho người dân cũng như thúc đẩy phát triển du lịch

trong thời gian đến, trong đó Tổ chức Lễ công bố và đón nhận Bằng xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt Văn hóa Sa Huỳnh, tỷ lệ thí sinh trúng tuyển (nhập học) đại học so với số thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2022 của Tỉnh Quảng Ngãi xếp thứ 15/63 tỉnh, thành phố; công tác chuẩn bị các điều kiện trước, trong và sau Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023 đã được các cấp, các ngành, địa phương tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, kịp thời, hiệu quả, đặc biệt là công tác an sinh xã hội, chăm lo cho hộ nghèo, các hoạt động tri ân, đền ơn đáp nghĩa đối với thương binh, gia đình liệt sĩ, Mẹ Việt Nam anh hùng, người có công với cách mạng; quốc phòng, an ninh được tăng cường, trật tự an toàn xã hội được giữ vững; hoàn thành công tác giao nhận quân, đạt 100% chỉ tiêu trên giao.

Đặc biệt, năm 2022 kết quả 03 Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) và Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) của Tỉnh đều có sự thăng hạng đáng kể, cụ thể: PCI xếp hạng 33/63 tỉnh, thành phố (tăng 12 bậc so với năm 2021); PAR INDEX xếp hạng 27/63 tỉnh, thành phố (tăng 12 bậc so với năm 2021); PAPI xếp hạng 23/63 tỉnh, thành phố (tăng 20 bậc so với năm 2021).

Bên cạnh những kết quả đạt được, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh còn gặp một số khó khăn như: Ngành công nghiệp của tỉnh còn phụ thuộc nhiều vào lọc hóa dầu và thép, sản lượng thép giảm mạnh nên chỉ số sản xuất công nghiệp giảm; một số doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn nên phải thu hẹp quy mô sản xuất, giảm sản lượng; tình hình thu hút đầu tư nước ngoài và trong nước còn ít; kim ngạch xuất nhập khẩu giảm.

II. VỀ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH, ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, XUẤT NHẬP KHẨU

1. Một số kết quả đạt được Quý I và 4 tháng đầu năm 2023

1.1. Tốc độ tăng Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) Quý I/2023

Tốc độ tăng GRDP Quý I năm 2023 của tỉnh Quảng Ngãi bằng 98,93%⁴ so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó: Khu vực Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản tăng 2,16%; Khu vực Dịch vụ tăng 6,53%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 0,41%; riêng Khu vực Công nghiệp và Xây dựng giảm 8,45%, trong đó, Công nghiệp giảm 9,1%.

1.2. Tình hình sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng và xuất nhập khẩu trong 4 tháng đầu năm 2023

a) Về sản xuất kinh doanh

- **Sản xuất công nghiệp:** Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tính chung 4 tháng giảm 0,89%⁵ so với cùng kỳ năm 2022.

⁴ Công văn số 429/TCTK-TKGQ ngày 25/3/2023 của Tổng cục Thống kê thông báo số liệu GRDP ước tính Quý I năm 2023 của tỉnh Quảng Ngãi.

⁵ Trong đó: Công nghiệp khai khoáng tăng 14,18%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí tăng 20,02%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng

Một số sản phẩm công nghiệp có sản lượng tăng so với cùng kỳ⁶: Sản phẩm lọc dầu đạt 2,352 triệu tấn, tăng 4,7%; thủy sản chế biến đạt 3,7 nghìn tấn, tăng 3,1%; bia các loại đạt 72,6 triệu lít, tăng 9,7%; phân hóa học 9,3 nghìn tấn, tăng 2,3%; sản phẩm may mặc đạt 5,3 triệu cái, tăng 43,5%; điện sản xuất đạt 731 triệu kWh, tăng 17,4%; nước khoáng đạt 33,9 triệu lít, tăng 3,7%.

Một số sản phẩm giảm⁷: Sắt thép xây dựng đạt 1,3 triệu tấn, giảm 31,7%; sữa các loại trên địa bàn tỉnh đạt 15,1 triệu lít, giảm 29%; giày da đạt 3,96 triệu đôi, giảm 25%; dăm gỗ nguyên liệu giấy đạt 147 nghìn tấn, giảm 36,2%; sợi ước đạt 13,5 nghìn tấn, giảm 14%; tinh bột mì đạt 18,6 nghìn tấn, giảm 24%; nước máy thương phẩm đạt 5,1 triệu m³, giảm 1,4%.

- **Thương mại và dịch vụ:** Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân 4 tháng tăng 3,8% so với cùng kỳ năm 2022. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 4 tháng đạt 23.321 tỷ đồng, tăng 11,7% so với cùng kỳ⁸.

Hoạt động vận tải (không kể vận tải đường sắt): Doanh thu hoạt động vận tải, kho bãi 4 tháng đạt 1.668 tỷ đồng⁹, tăng 33,07% so với cùng kỳ năm trước.

- **Thu chi ngân sách:** Tổng thu ngân sách trên địa bàn 4 tháng đầu năm 2023 ước đạt 9.252 tỷ đồng¹⁰, bằng 75,2% so với cùng kỳ và bằng 38,7% dự toán năm do HĐND tỉnh giao, bằng 39,5% dự toán trung ương giao. Tổng chi ngân sách địa phương ước đạt 4.267 tỷ đồng, tăng 22,8% so với cùng kỳ và bằng 24,3% dự toán năm.

- **Thu hút đầu tư và quản lý doanh nghiệp:** Có 05 dự án đầu tư được cấp mới, với tổng vốn đăng ký 3.985 tỷ đồng, trong đó, có 01 dự án đầu tư nước ngoài (FDI) với số vốn đăng ký 31,8 triệu USD (tương đương 750 tỷ

56,25%; riêng ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 1,41% (Nguyên nhân giảm chủ yếu do sắt thép xây dựng ước đạt 1,3 triệu tấn, giảm 31,7%).

⁶ Nguyên nhân: Sản phẩm lọc dầu tăng nhờ NMLD Dung Quất vận hành ở công suất tương đương (108%) cao hơn công suất vận hành cùng kỳ năm trước (104%); bia, nước khoáng tăng do nhu cầu tiêu thụ; phân hóa học tăng nhờ nhu cầu bón phân cho Vụ lúa Đông Xuân ở tỉnh và phân bón cây trồng ở các tỉnh Tây Nguyên; sản phẩm may mặc tăng do nhu cầu thị trường tăng, đồng thời 01 doanh nghiệp mới đi vào sản xuất mặt hàng quần áo thể thao, đi mưa (Công ty TNHH Toray International Việt Nam - CN Quảng Ngãi).

⁷ Nguyên nhân: Sữa giảm do doanh nghiệp điều tiết giảm kế hoạch sản xuất cho phù hợp với thị trường tiêu thụ; tinh bột mì giảm do đã vào thời điểm cuối mùa vụ nên số lượng nguyên liệu mì hạn chế, dẫn đến các nhà máy giảm công suất sản xuất; dăm gỗ nguyên liệu giấy giảm do giá thu mua giảm, người dân có xu hướng tiếp tục khoanh nuôi, chờ giá phục hồi trở lại; sợi, giày da giảm do tình hình chiến tranh tại Ukraina gây ảnh hưởng đến thị trường tiêu thụ sản phẩm này tại các nước Đông Âu; sản phẩm sắt, thép giảm do Khu liên hợp gang thép Hòa Phát Dung Quất dừng hoạt động 02 lò từ tháng 11/2022, cuối tháng 3/2023 đã đưa 01 lò hoạt động trở lại.

⁸ Trong đó: Tổng mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 18.170 tỷ đồng, tăng 9,1%; dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 3.601 tỷ đồng, tăng 23,6%; du lịch ước đạt 7,6 tỷ đồng, tăng gấp 5 lần; dịch vụ tiêu dùng khác ước đạt 1.542 tỷ đồng, tăng 18,2%. Tăng so với cùng kỳ chủ yếu là do Quý I/2022 doanh thu các ngành dịch vụ đạt thấp vì dịch Covid-19 còn diễn biến phức tạp.

⁹ Trong đó, doanh thu vận tải hành khách tăng 82,6%; doanh thu vận tải hàng hóa tăng 19,9%; doanh thu hoạt động kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải tăng 28,3%.

¹⁰ Trong đó: thu nội địa ước đạt 6.497 tỷ đồng (Thu từ nhà máy lọc dầu Dung Quất ước đạt 3.641 tỷ đồng, bằng 72,9%; thu tiền sử dụng đất ước đạt 313 tỷ đồng, bằng 88,9% so với cùng kỳ), 86,1% so với cùng kỳ; thu hoạt động xuất nhập khẩu đạt 2.708 tỷ đồng, bằng 57%.

đồng). Số doanh nghiệp thành lập mới 215 doanh nghiệp, giảm 17% so với cùng kỳ; tổng số vốn đăng ký là 1.549,4 tỷ đồng, tăng 6,3%; có 853 hồ sơ online trên tổng hồ sơ tiếp nhận 1.401 hồ sơ, đạt 61%.

b) Tình hình đầu tư xây dựng và các dự án trọng điểm có sức lan tỏa cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của vùng

- ***Về đầu tư công:*** Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 của tỉnh được Thủ tướng Chính phủ giao là 6.789,4 tỷ đồng, HĐND tỉnh giao 6.949,4 tỷ đồng¹¹ (bao gồm nguồn vốn bội chi ngân sách địa phương là 236,7 tỷ đồng và nguồn vốn chi đầu tư phát triển khác là 97 tỷ đồng), trong đó: Vốn ngân sách địa phương (NSDP) là 4.527,8 tỷ đồng¹², vốn ngân sách Trung ương (NSTW) là 2.421,6 tỷ đồng¹³. Đến ngày 30/4/2023, giải ngân là 1.448 tỷ đồng¹⁴, bằng 21,3% kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ giao và bằng 20,8% kế hoạch vốn HĐND tỉnh giao.

- Về các dự án trọng điểm có sức lan tỏa cho phát triển KTXH của địa phương, của vùng:

+ Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2045 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 168/QĐ-TTg ngày 28/02/2023.

+ Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh thẩm định, thông qua ngày 16/3/2023 và trình HĐND tỉnh Khóa XIII tại kỳ họp thứ 14 (tổ chức vào ngày 22/5/2023), hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch tỉnh gửi Hội đồng thẩm định (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan thường trực của Hội đồng thẩm định) để rà soát, thống nhất trước khi trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; phần đầu hoàn thành phê duyệt Quy hoạch tỉnh trong tháng 6/2023.

+ Tỉnh thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, đoạn qua địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, đảm bảo bàn giao 100% mặt bằng trước ngày 30/6/2023 theo đúng tiến độ yêu cầu của Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính phủ.

+ Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để nhà đầu tư triển khai đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án công nghiệp trọng điểm, quy mô lớn đạt kết quả như sau:

¹¹ Cao hơn Trung ương giao 160 tỷ đồng từ nguồn thu sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước là 130 tỷ đồng và vốn SXKT là 30 tỷ đồng.

¹² Bao gồm: XDCB tập trung là 1.561,1 tỷ đồng, thu SĐĐ là 2.500 tỷ đồng, thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước là 130 tỷ đồng và thu từ SXKT là 100 tỷ đồng

¹³ Bao gồm: Vốn hỗ trợ có mục tiêu theo ngành, lĩnh vực là 822,5 tỷ đồng; Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác là 440 tỷ đồng; vốn Chương trình phục hồi và phát triển KTXH là 631 tỷ đồng; vốn Chương trình MTQG là 497,373 tỷ đồng; vốn nước ngoài là 30,762 tỷ đồng.

¹⁴ Trong đó: Nguồn vốn NSDP giải ngân 1.030 tỷ đồng bằng 23,6% kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ giao và bằng 22,7% kế hoạch vốn HĐND tỉnh giao; nguồn vốn NSTW giải ngân 418 tỷ đồng, bằng 17,3% kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ và HĐND tỉnh giao.

(1) *Dự án Nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất*¹⁵: Đã hoàn thành công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và bàn giao cho nhà đầu tư phần diện tích 108,2ha. Ngày 05/5/2023, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 482/QĐ-TTg về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án.

(2) *Dự án Khu liên liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất*¹⁶: Đã cấp phép lần đầu 4 triệu tấn/năm (đã đi vào hoạt động), giai đoạn điều chỉnh nâng công suất lên 6 triệu tấn/năm (thêm 2 triệu tấn/năm) đang triển khai các thủ tục đầu tư.

(3) *Dự án Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất 2*¹⁷: Dự án đang trong quá trình thực hiện thủ tục đầu tư, đang triển khai xây dựng một số hạng mục theo giấy phép xây dựng đã cấp. Đã bồi thường, GPMB khoảng 249,3ha/272,56ha (chiếm 91,5%) tổng diện tích thực hiện; được Ban Quản lý cho thuê đất với diện tích 151,53ha/272,56ha (đạt 55,6%). Hiện nay, Nhà đầu tư tiếp tục thực hiện công tác BT, GPMB phần diện tích còn lại để làm thủ tục cho thuê đất và các thủ tục liên quan khác để triển khai xây dựng dự án.

(4) *Đối với các dự án tại Trung tâm điện khí Dung Quất*: Dự án Nhà máy điện tuabin khí hỗn hợp Dung Quất I và Dự án Nhà máy điện tuabin khí hỗn hợp Dung Quất III do Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) làm chủ đầu tư đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quyết định chủ trương đầu tư số 1460/QĐ-TTg và số 1461/QĐ-TTg ngày 25/10/2019; hiện nay, EVN đang triển khai các thủ tục đầu tư liên quan. Dự án Nhà máy điện tuabin khí hỗn hợp Dung Quất II do Sembcorp (Singapore) làm chủ đầu tư theo hình thức BOT với công suất 750MW, vốn đầu tư khoảng 793 triệu USD; Nhà đầu tư đã lập, trình báo cáo nghiên cứu khả thi và đã được Bộ Công Thương phê duyệt tại Quyết định số 4345/QĐ-BCT ngày 20/11/2018. Hiện nay, Nhà đầu tư đang phối hợp với Bộ Công Thương thực hiện các bước tiếp theo đối với dự án, trong đó có việc ký hợp đồng dự án BOT theo quy định.

+ Phát triển hạ tầng Khu kinh tế, Khu công nghiệp: Hiện nay đang triển khai đầu tư Dự án Khu đô thị, công nghiệp Dung Quất (*vốn đăng ký đầu tư 2.025 tỷ đồng*); Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN nhẹ Bình Hòa - Bình Phước (*vốn đăng ký đầu tư 1.298,9 tỷ đồng*), Dự án Khu Công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ VSIP 2 Quảng Ngãi; đang mời gọi, thu hút nhà

¹⁵ Dự án được Ban Quản lý cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 65201000123 ngày 24/12/2014, thay đổi lần 1 ngày 21/6/2016.

¹⁶ Được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư tại Công văn 152/TTg-CN ngày 25/01/2017; Ban Quản lý cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu ngày 25/01/2017, Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư lần thứ 2 tại Quyết định số 101/QĐ-BQL ngày 07/4/2023, với diện tích 342,62 ha, công suất thiết kế là 06 triệu tấn/năm, tổng vốn đầu tư 86.000 tỷ đồng.

¹⁷ Dự án được Ban Quản lý cấp Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 108/QĐ-BQL ngày 18/6/2021, điều chỉnh lần thứ 01 tại Quyết định số 364/QĐ-BQL ngày 30/12/2021; điều chỉnh lần thứ 02 tại Quyết định số 26/QĐ-BQL ngày 15/02/2023, với diện tích 272,56 ha, công suất thiết kế 5,6 triệu tấn/năm, tổng vốn đầu tư 85.000 tỷ đồng.

đầu tư tham gia đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Phố Phong; đang triển khai thi công xây dựng Bến cảng tổng hợp - container Hòa Phát Dung Quất (*hoàn thành san lấp, đang khai thi công kè bờ và bến*); triển khai các dự án phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân và các hạ tầng xã hội thiết yếu khác.

c) Tình hình xuất nhập khẩu

- **Kim ngạch xuất khẩu** trong 4 tháng đầu năm 2023 đạt 720 triệu USD¹⁸, giảm 1,7% so với cùng kỳ năm 2022, đạt 34% kế hoạch năm.

- **Kim ngạch nhập khẩu** đạt 1.196 triệu USD, giảm 8,7% so với cùng kỳ năm 2022, đạt 36% kế hoạch năm; sản phẩm nhập khẩu chủ yếu là: Dầu thô, sắt thép, máy móc, phụ tùng thay thế, bông, sợi, vải, nguyên phụ liệu... phục vụ nhu cầu sản xuất trong tỉnh.

2. Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

a) Về thực hiện các dự án đầu tư, xây dựng

*** Thủ tục pháp lý liên quan đến đất đai**

- Đối với dự án có diện tích dưới 10 ha đất rừng phòng hộ thì phải thông qua Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định tại Điều 58 Luật Đất đai. Tuy nhiên, trong quá trình xử lý hồ sơ chuyên mục đích để thực hiện dự án thì theo Luật Lâm nghiệp có quy định thêm việc chuyển đổi đất rừng cũng phải thông qua Hội đồng nhân dân tỉnh. Như vậy, việc thực hiện một dự án mà Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua 2 lần.

- Đối với tổ chức thuê đất thực hiện dự án nông nghiệp: Theo quy định tại điểm đ Điều 56 Luật Đất đai quy định cho thuê đất: “Tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối;...”. Tuy nhiên, Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành luật chưa quy định trình tự, thủ tục, điều kiện về thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng, đất UBND xã đang quản lý để chuyển mục đích sử dụng đất cho tổ chức (doanh nghiệp) thuê đất để thực hiện dự án nông nghiệp.

- Chính sách tài chính đất đai, giá đất: Theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 119 Luật Đất đai về thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất quy định điều kiện để tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất “Đất đã được giải phóng mặt bằng”. Tuy nhiên, thực tiễn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi cho thấy hiện nay có rất nhiều dự án đầu tư kinh phí giải phóng mặt bằng rất lớn trong khi Nhà nước không đủ kinh phí để giải

¹⁸ Một số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng so với cùng kỳ: Tinh bột mỳ đạt 74 triệu USD, tăng 29,7%; sản phẩm cơ khí đạt 60,4 triệu USD, tăng 74%;... Bên cạnh đó, một số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm: Thủy sản chế biến đạt 8,9 triệu USD, giảm 3,5%; đồ gỗ đạt 2,1 triệu USD, giảm 3,6%; dăm gỗ nguyên liệu giấy đạt 43 triệu USD, giảm 30,7%; may mặc đạt 29,8 triệu USD, giảm 3,8%; dầu FO đạt 25 triệu USD, giảm 36,8%; sợi dệt các loại, vải đạt 44,8 triệu USD, giảm 16%; thép đạt 211 triệu USD, giảm 9,4%.

phóng mặt bằng, vì vậy phần lớn cần phải kêu gọi nhà đầu tư để tổ chức thực hiện giải phóng mặt bằng và tiến hành giao đất.

** Công tác giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư*

- Điều 70 Luật Đất đai 2013 chỉ quy định cưỡng chế đối với trường hợp thu hồi đất; không cưỡng chế đối với trường hợp nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không (không thu hồi đất); hộ dân không thống nhất kéo dây điện ảnh hưởng đến diện tích đất của họ. Do đó, không có chế tài để thực hiện kiểm kê, kéo dây dẫn điện.

- Điểm b Khoản 1 Điều 16 Luật Đất đai năm 2013 đã quy định các trường hợp Nhà nước quyết định việc thu hồi đất do vi phạm pháp luật đất đai. Tuy nhiên, điểm a Khoản 2 Điều 71 Luật Đất đai năm 2013 chỉ quy định trường hợp cưỡng chế thu hồi đất để thực hiện các dự án đầu tư mà không quy định cưỡng chế đối với trường hợp thu hồi đất do vi phạm pháp luật đất đai. Điều này gây khó khăn cho các địa phương bởi yêu cầu về cưỡng chế thu hồi đất do vi phạm pháp luật đất đai là rất lớn.

** Công tác tạm ứng, nghiệm thu, thanh toán, thu hồi tạm ứng vốn đầu tư*

- Về các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện 03 Chương trình MTQG: Chương trình Phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chủ yếu thực hiện được đối với những dự án đầu tư cơ sở hạ tầng thuộc Dự án 2, 4, 5, 6 của Chương trình; còn lại đối với việc sử dụng vốn đầu tư phát triển để thực hiện Dự án 1, 3, 10 chưa được Bộ, ngành trung ương ban hành quy định, hướng dẫn nên khó khăn trong triển khai thực hiện, cụ thể:

+ Dự án 1: Cơ chế đặc thù thực hiện nội dung hỗ trợ nhà ở, đất ở, đất sản xuất theo Quyết định số 04/2023/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ: Hiện nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu, tham mưu Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022, trong đó bổ sung cơ chế đặc thù và quy trình, thủ tục thanh, quyết toán đối với nội dung sử dụng vốn đầu tư công hỗ trợ hộ gia đình, không lập dự án đầu tư¹⁹.

+ Dự án 3: Chưa có cơ chế quản lý vốn đầu tư công trong dự án được liệu, theo đó đối với dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý được Nhà nước ký hợp đồng liên kết với doanh nghiệp triển khai nhưng Trung ương chưa có quy định cụ thể đối với việc giao đơn vị quản lý dự án (giao doanh nghiệp hay cơ quan quản lý nhà nước thực hiện) và chưa rõ quy định thanh, quyết toán vốn đầu tư công trong quá trình thực hiện.

¹⁹ Theo Công văn số 496/UBND-CSĐT ngày 06/4/2023 của Ủy ban Dân tộc và ý kiến của Phó Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo kết luận số 50/TB-VPCP ngày 22/3/2023 của Văn phòng Chính phủ.

+ Dự án 10: Một số nội dung sử dụng vốn đầu tư công của Tiêu dự án 2 - Dự án 10 chưa được Bộ, ngành trung ương hướng dẫn nên không có cơ sở triển khai thực hiện²⁰.

** Công tác phòng cháy chữa cháy (PCCC)*

Đối với doanh nghiệp xây dựng mới hoặc mở rộng nhà máy, sau khi Nghị định số 136/2020/NĐ-CP về việc thi hành và sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC được Chính phủ ban hành ngày 24/11/2020, Doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc xin thẩm duyệt và nghiệm thu PCCC từ cơ quan Công an PCCC do quy cách mẫu kết cấu và phương pháp thử nghiệm chi tiết liên quan đến sơn chống cháy vẫn chưa có hướng dẫn, quy định cụ thể. Việc kiểm định các thiết bị PCCC theo quy chuẩn mới QCVN 06/2022/BXD chưa có hướng dẫn cụ thể, như các phòng thí nghiệm cũng chưa sẵn sàng đáp ứng việc kiểm định theo tiêu chuẩn mới nên không thể xin được thẩm duyệt và nghiệm thu PCCC để đưa công trình xây dựng nhà xưởng vào sử dụng.

b) Về chính sách tín dụng

- Về hạn mức tín dụng, lãi suất, tỷ giá: Lãi suất huy động không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng dao động từ 0,1-0,5%/năm; lãi suất huy động kỳ hạn từ 01 tháng đến dưới 6 tháng là 5,5%/năm. Lãi suất cho vay bằng VND đối với sản xuất, kinh doanh thông thường: Ngắn hạn từ 8-10,7%/năm; trung dài hạn từ 9,8-13,2%/năm (giảm từ 2,6-3,5%/năm so với tháng trước). Lãi suất cho vay bằng VND đối với 5 lĩnh vực ưu tiên: Ngắn hạn là 4,5%/năm (giảm 0,5%/năm so với tháng trước), trung dài hạn từ 8,5-8,8%/năm. Nhìn chung, lãi suất huy động vốn và cho vay; tỷ giá được đảm bảo đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Tuy nhiên, mặt bằng lãi suất còn khá cao.

c) Về thị trường

- Về vật liệu xây dựng

+ Về vật liệu đá xây dựng: Trong các năm qua và hiện nay thì công suất khai thác, chế biến vượt so với nhu cầu sử dụng trên địa bàn tỉnh (không tính cho cao tốc Quảng Ngãi - Hoài Nhơn, vì có cơ chế riêng), giá vật liệu đá được quản lý vận hành theo cơ chế thị trường, do đó nguồn cung và giá luôn được ổn định.

+ Về vật liệu cát xây dựng: Trong các năm qua thì công suất khai thác đảm bảo so với nhu cầu sử dụng trên địa bàn tỉnh (không tính cho cao tốc Quảng Ngãi - Hoài Nhơn, có cơ chế riêng), giá vật liệu cát được quản lý vận hành theo cơ chế thị trường ổn định. Tuy nhiên, trong giai đoạn từ cuối năm 2022 đến nay, do nguồn cung nhỏ hơn nhu cầu sử dụng rất nhiều, dẫn đến giá

²⁰ Nội dung trả lời, hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Công văn số 2807/BTC-HCSN ngày 29/3/2023 chủ yếu tập trung vào nguồn vốn sự nghiệp, chưa rõ về nội dung sử dụng vốn đầu tư công. Đồng thời, Bộ Tài chính có nêu là Ủy ban Dân tộc đang hoàn thiện và trình cấp thẩm quyền phê duyệt đề án chuyển đổi sở trong quản lý, tổ chức triển khai Chương trình MTQG Phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

cát bị đẩy lên rất cao so với giá các năm trước. Để giải quyết tình trạng khan hiếm này, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường đẩy nhanh thủ tục để cấp phép khai thác 11 mỏ cát đã đấu giá thành trong năm 2022 và đầu năm 2023 với trữ lượng dự báo hơn 4,2 triệu m³. Đồng thời, UBND tỉnh đã bổ sung danh mục hàng hóa là cát làm vật liệu xây dựng thuộc diện phải kê khai giá tại Thông báo số 187/TB-UBND ngày 14/4/2023. Do đó, trong thời gian tới giá cát sẽ bình ổn và cơ bản đáp ứng cầu sử dụng cho xây dựng.

+ Về vật liệu đất đắp, san nền: Nguồn khoáng sản đất làm vật liệu san lấp trên địa bàn tỉnh đã được quy hoạch là rất lớn; đồng thời, đã được UBND tỉnh khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với khoáng sản là đất đồi dùng làm vật liệu san lấp, cơ bản đáp ứng đủ nhu cầu cho các dự án đầu tư công. Tuy nhiên, công tác quản lý nguồn vật liệu đất đắp còn nhiều bất cập, các mỏ đất đa số được khoanh định và cấp chỉ định cho các doanh nghiệp để phục vụ cho các công trình đầu tư công. Nhưng các doanh nghiệp được cấp mỏ đất thì đa số không liên quan gì đến thi công công trình đầu tư công mà chỉ bán lại đất đắp cho nhà thầu thi công các công trình này làm tăng giá thành vật liệu đất đắp. Do đó, nhiều dự án đầu tư công khi triển khai xây dựng rất bị động về nguồn đất san lấp, làm ảnh hưởng đến tiến độ triển khai dự án và kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công. Do một số nguyên nhân sau:

(1) Công tác khoanh định mỏ vật liệu để phục vụ cho các dự án đầu tư công chưa cụ thể, các chủ đầu tư chỉ dựa vào quy hoạch khoáng sản chung của tỉnh để tổ chức khảo sát, lập dự án, nhưng chưa khảo sát kỹ về các mỏ đã được cấp phép hay chưa, trữ lượng bao nhiêu, có đáp ứng cho dự án hay không; chủ mỏ có được phép cung cấp đất cho dự án hay không.

(2) Công tác chuẩn bị nguồn vật liệu trong quá trình lập báo cáo nghiên cứu khả thi chưa được các chủ đầu tư quan tâm đúng mức, chưa xác định cụ thể mỏ vật liệu cho dự án, đến khi triển khai thi công, các nhà thầu phải tự tìm kiếm nguồn vật liệu để thi công nên rất bị động, tạo điều kiện cho các chủ mỏ gần dự án có thể găm hàng, ép giá gây khó khăn cho nhà thầu thi công.

(3) Đơn vị tư vấn chưa làm tròn nhiệm vụ điều tra, khảo sát mỏ vật liệu trong quá trình lập dự án đầu tư; chưa đề xuất mỏ vật liệu trong hồ sơ dự án; hoặc tham chiếu các mỏ đã được cấp phép khai thác để lập dự án, nên đến khi triển khai thi công, các mỏ này không đủ tính pháp lý vì không có tên trong Giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp, hoặc hết trữ lượng.

- Sản phẩm công nghiệp chủ lực hàng đầu là lọc hóa dầu tăng 4,7% so với cùng kỳ năm trước nhưng một số sản phẩm công nghiệp chủ lực khác bị giảm, như: Thép, do có 02 lò ngừng hoạt động sản xuất trong tháng 01 và 02/2023, sữa, tinh bột mì, sợi, giày da, dăm gỗ nguyên liệu giấy, do các doanh nghiệp còn khó khăn trong tiếp cận vốn, lãi suất ngân hàng và chi phí đầu vào vẫn còn ở mức cao, thiếu đơn đặt hàng sản xuất, giảm sản lượng,

giảm nhu cầu thị trường, đặc biệt là các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo do thiếu đơn hàng.

- Trong 4 tháng đầu năm 2023, kim ngạch xuất nhập khẩu của tỉnh đều giảm so với cùng kỳ. Điều này phản ánh sự khó khăn của doanh nghiệp do thiếu đơn hàng xuất khẩu, dẫn đến nhập khẩu nguyên phụ liệu cũng giảm so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, sự sụt giảm của nhu cầu thế giới chính là yếu tố khó khăn và thách thức lớn cho xuất khẩu của Việt Nam nói chung và của tỉnh Quảng Ngãi nói riêng.

+ Về nguồn cung, giá nguyên vật liệu: Do bối cảnh tình hình thế giới có những diễn biến mới phức tạp như cuộc xung đột Nga - Ukraine, căng thẳng trong quan hệ thương mại giữa Mỹ, châu Âu và Trung Quốc... gây ra những ảnh hưởng lớn tới giá xăng dầu, lương thực và nguyên, vật liệu từ đó làm cho chi phí sản xuất đầu vào tăng cao, số lượng đơn hàng giảm mạnh của một số ngành công nghiệp chủ yếu như đồ gỗ, may mặc, da giày...

+ Về thị trường xuất khẩu hàng hóa: Một số thị trường lớn xuất khẩu hàng hóa của tỉnh đang thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt để ưu tiên chống lạm phát và biện pháp bảo hộ để duy trì tăng trưởng. Lạm phát tại các nước vẫn còn ở mức cao, chính sách tiền tệ vẫn chưa nới lỏng; kinh tế thế giới hồi phục chậm và sự sụp đổ của một số ngân hàng trên thế giới có những tác động nhất định đến xu hướng thắt chặt chi tiêu mua sắm các sản phẩm thông thường và xa xỉ tại một số thị trường tiêu thụ dệt may, da giày, đồ gỗ, linh kiện điện tử lớn như Mỹ, EU khiến nhu cầu nhập khẩu giảm. Bên cạnh đó, Trung Quốc mở cửa trở lại cũng tạo nhiều áp lực cạnh tranh đối với hàng xuất khẩu cùng chủng loại của Việt Nam nói chung và của tỉnh nói riêng.

d) Về vấn đề lao động

Trong 4 tháng đầu năm 2023, đã cấp mới 139 giấy phép lao động cho người nước ngoài (giảm 0,8% so với cùng kỳ năm 2022), cấp gia hạn 83 giấy phép (tăng 22,5%), cấp lại 07 giấy phép (giảm 36,4%). Việc cấp giấy phép lao động được rút ngắn thời gian xuống còn 03 ngày (giảm 02 ngày so với quy định), việc thẩm định nhu cầu sử dụng lao động người nước ngoài được rút ngắn thời gian xuống còn 08 ngày (giảm 02 ngày so với quy định); các doanh nghiệp được hỗ trợ hướng dẫn nộp trực tuyến trả kết quả qua Buu điện, nhiều doanh nghiệp rất hài lòng và có đánh giá tốt đối với việc hướng dẫn và tiếp nhận hồ sơ cấp giấy phép lao động trong những năm qua.

Tuy nhiên, trong quá trình tiếp nhận hồ sơ cấp giấy phép lao động, các doanh nghiệp có sử dụng lao động người nước ngoài còn gặp một số khó khăn, như: Thời hạn làm việc được cấp theo giấy phép lao động là 02 năm, tuy nhiên thời hạn cấp visa (thị thực) là dưới 01 năm đối với lao động có quốc tịch Trung Quốc; cơ quan thực hiện thủ tục cấp visa là Cục Quản lý

xuất nhập cảnh tại Hà Nội²¹; do đó, các doanh nghiệp ở Quảng Ngãi phải ra Cục Quản lý xuất nhập cảnh tại Hà Nội để thực hiện thủ tục này, nên mất nhiều thời gian và chi phí đi lại. Ngoài ra, theo quy định tại Luật Xuất nhập cảnh, tùy thuộc vào mức vốn đầu tư của doanh nghiệp mà người nước ngoài được cấp Visa (thị thực) thời hạn 05 năm; tuy nhiên, quy định tại Bộ Luật Lao động năm 2019, thời hạn cấp, gia hạn giấy phép lao động và xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động tối đa không quá 02 năm.

III. VỀ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NHÀ Ở XÃ HỘI, QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN

1. Tình hình thực hiện quản lý và phát triển nhà ở xã hội; việc triển khai thực hiện Quyết định số 338/QĐ-TTg ngày 03/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021-2030”

Thực hiện Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội (*viết tắt là Nghị định số 100/2015/NĐ-CP*); Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội (*viết tắt là Nghị định số 49/2021/NĐ-CP*); Quyết định số 2161/QĐ-TTg ngày 22/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 882/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 về việc phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Quảng Ngãi kỳ 05 năm và năm đầu kỳ (giai đoạn 2021-2025) tại Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 07/12/2022.

1.1. Về quy hoạch quỹ đất và danh mục vị trí dự án nhà ở xã hội

a) Về Quy hoạch quỹ đất và danh mục vị trí dự án nhà ở xã hội

Tỉnh Quảng Ngãi đã quy hoạch và công bố công khai Danh mục vị trí các dự án phát triển nhà ở xã hội cần thu hút đầu tư trong năm 2023 và những năm tiếp theo để các doanh nghiệp quan tâm, tham gia nghiên cứu, đề xuất đầu tư dự án tại 14 vị trí ở các huyện: Bình Sơn, Sơn Tịnh, Mộ Đức và thành phố Quảng Ngãi, quy mô khoảng trên 330 ha.

b) Về bố trí quỹ đất 20% trong dự án nhà ở thương mại để phát triển nhà ở xã hội

Trong các dự án phát triển nhà ở thương mại, dự án đầu tư phát triển đô thị đã được UBND tỉnh Quảng Ngãi cấp Quyết định chủ trương đầu tư có quy mô diện tích lớn hơn 10ha tại các phường thuộc thành phố Quảng Ngãi (đô

²¹ Trước đây, có cho phép Phòng Quản lý Xuất nhập cảnh Công an tỉnh tiếp nhận và luân chuyển ra Cục Xuất nhập cảnh.

thị loại II), đã bố trí quỹ đất nhà ở xã hội với diện tích đất là 7,16ha (Như dự án: Khu đô thị mới Phú Mỹ tại phường Nghĩa Chánh, Khu dân cư Mỹ Khê tại xã Tịnh Khê, Khu đô thị - dịch vụ Vsip Quảng Ngãi, ...).

1.2. Về kết quả thực hiện phát triển nhà ở xã hội

- Đối với nhà ở cho sinh viên thì trên địa bàn hiện nay các Trường Đại học đóng trên địa bàn tỉnh đã đầu tư xây dựng đầy đủ các ký túc xá trong khuôn viên của trường để bố trí cho sinh viên ở đáp ứng đầy đủ tiện nghi khi sinh viên vào ở như: Trường Đại học Tài chính - Kế toán, Trường Đại học Phạm Văn Đồng, Trường Đại học Công nghiệp 4 ...

- Đối với nhà ở cho hộ nghèo tại khu vực nông thôn: Thực hiện theo Quyết định 33/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ về hỗ trợ về nhà ở cho hộ nghèo ở khu vực nông thôn, giai đoạn 2016-2020, Tỉnh Quảng Ngãi dự kiến sẽ hỗ trợ khoảng 6.120 nhà ở cho hộ nghèo khu vực nông thôn; tuy nhiên, đối với chính sách này Nhà nước chỉ hỗ trợ bằng lãi suất vay từ Ngân hàng Chính sách xã hội với mức 25 triệu đồng/hộ, không có nguồn vốn hỗ trợ khác nên trong 05 năm thực hiện, trên địa bàn tỉnh chỉ hỗ trợ hơn 1.700 nhà vì các hộ dân là hộ nghèo, già cả, neo đơn lo ngại không dám vay vốn để xây dựng nhà ở, đây cũng là tình hình chung của cả nước.

- Đối với nhà tránh bão lụt: Thực hiện theo Quyết định số 48/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, đến năm 2020 Tỉnh Quảng Ngãi dự kiến sẽ hỗ trợ cho 1.144 nhà. Đến nay, Tỉnh Quảng Ngãi đã thực hiện hỗ trợ cho hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng tránh bão lụt hơn 2.800 nhà, vượt so với kế hoạch đề ra theo Chương trình là 1.144 nhà.

- Đối với nhà ở cho người có công với cách mạng theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ thì Tỉnh Quảng Ngãi đã thực hiện hơn 8.500 nhà (bao gồm 2.479 nhà trong Chương trình phát triển nhà ở của tỉnh) đạt 100% kế hoạch đề ra.

- Đối với nhà ở cho công nhân: Đến nay, trên địa bàn tỉnh đã triển khai và đưa vào hoạt động 06 dự án nhà ở cho công nhân (nhà kiên cố), đa phần các dự án nhà ở công nhân do các doanh nghiệp có quy mô lớn đầu tư tại Khu kinh tế Dung Quất, phục vụ cho công nhân của các doanh nghiệp với tổng số lượng 1.198 căn đáp ứng cho 4.482 người.

1.3. Việc triển khai thực hiện Quyết định số 338/QĐ-TTg ngày 03/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021-2030”

- Ngày 03/4/2023, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 338/QĐ-TTg Phê duyệt Đề án “Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021-2030”. Trong đó, Tỉnh Quảng Ngãi, mục tiêu đến năm 2030 hoàn thành 6.300 căn (nhà ở thu nhập thấp và nhà ở công nhân), trong đó: Giai đoạn

2021-2025 hoàn thành 1.500 căn, giai đoạn 2026-2030 hoàn thành 4.800 căn. Để thúc đẩy phát triển nhà ở xã hội, nhà ở công nhân trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới nhằm đáp ứng mục tiêu của Đề án trong giai đoạn 2021-2030, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị khẩn trương triển khai thực hiện Quyết định số 338/QĐ-TTg ngày 03/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

Đồng thời, UBND tỉnh đã chỉ đạo triển khai thực hiện Quyết định số 338/QĐ-TTg ngày 03/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó nội dung cần chú trọng thực hiện trong thời gian đến: Khi lập, phê duyệt quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng nông thôn, quy hoạch phát triển khu công nghiệp, khu kinh tế phải xác định rõ diện tích đất dành để xây dựng nhà ở xã hội; đảm bảo quỹ đất dành để phát triển nhà ở xã hội phù hợp với Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, Chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương từng thời kỳ; coi chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội là một chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, hàng năm của địa phương; xác định việc đầu tư phát triển nhà ở xã hội cho người lao động có thu nhập thấp là một hạng mục đầu tư trong nguồn vốn trung - dài hạn của địa phương; đơn giản hóa, rút ngắn các thủ tục hành chính theo thẩm quyền; quy định rõ đầu mối thực hiện thủ tục hành chính trong lập, phê duyệt dự án nhà ở xã hội, nhà ở công nhân.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 09 dự án nhà ở xã hội do 9 doanh nghiệp đang chuẩn bị triển khai nhằm đáp ứng chung về nhu cầu cho đối tượng công nhân và người thu nhập thấp, cụ thể:

(1) Dự án Nhà ở xã hội tại Khu đô thị mới Vạn Tường thuộc xã Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, với quy mô sử dụng đất dự án 8,75 ha, tổng số căn hộ là 532 căn (*trương đương 74.480 m² sàn*), đáp ứng cho 2.128 người. Đây là dự án chủ yếu tập trung giải quyết nhu cầu nhà ở cho cán bộ, công nhân viên của Công ty TNHH Công nghiệp nặng Doosan Việt Nam (chủ đầu tư).

(2) Nhà ở xã hội thuộc dự án khu đô thị - dịch vụ VSIP Quảng Ngãi giai đoạn 1 - giai đoạn 1A tại phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi với quy mô diện tích đất 1,28 ha, tổng số 360 căn hộ chung cư, tổng diện tích sàn 18.000 m², đáp ứng cho 1.440 người. Theo kế hoạch phát triển nhà ở, trong giai đoạn 2021-2025, dự án này dự kiến hoàn thiện khoảng 180 căn hộ, tổng diện tích sàn 9.000 m².

(3) Nhà ở xã hội thuộc dự án dịch vụ hỗn hợp VSIP Quảng Ngãi tại xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh với tổng số 768 căn hộ chung cư, tổng diện tích sàn 3,84 ha. Theo kế hoạch phát triển nhà ở, trong giai đoạn 2021-2025, dự án này dự kiến hoàn thiện khoảng 620 căn hộ, tổng diện tích sàn 31.000 m², đáp ứng cho 3.072 người.

(4) Khu nhà ở công nhân và người lao động có thu nhập thấp tại KKT Dung Quất, tại xã Bình Thạnh, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, với diện tích khoảng 19,1 ha. Dự kiến bố trí 420 lô đất, đáp ứng cho 1.680 người.

(5) Khu chung cư dành cho người lao động có thu nhập thấp tại xã Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, với diện tích khoảng 0,97 ha. Dự kiến bố trí 200 phòng, đáp ứng cho 800 người.

(6) Khu dân cư và dịch vụ phục vụ KCN Tịnh Phong tại xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, với diện tích khoảng 8,07 ha. Dự kiến bố trí 240 lô đất, đáp ứng cho 1.000 người.

(7) Nhà ở xã hội tại Khu đô thị mới Vạn Tường tại xã Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, với diện tích khoảng 8,66 ha. Dự kiến bố trí khoảng 532 căn, đáp ứng cho 2128 người.

(8) Khu ký túc xá công nhân tại xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, với diện tích khoảng 1,28 ha. Dự kiến bố trí khoảng 300 phòng, đáp ứng cho 2.670 người.

(9) Dự án xây dựng nhà trẻ, nhà ở cho công nhân lao động các KCN Quảng Ngãi tại xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, với diện tích khoảng 02 ha. Dự kiến bố trí 200 phòng, đáp ứng cho 1.600 người.

2. Tình hình thực hiện về quản lý thị trường bất động sản; việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 33/NQ-CP ngày 11/3/2023 của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ và thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển an toàn, lành mạnh, bền vững

2.1. Về quản lý thị trường bất động sản

Quảng Ngãi là một trong 5 khu kinh tế ven biển được Chính phủ ưu tiên đầu tư kết cấu hạ tầng và có chính sách ưu đãi cao đối với các nhà đầu tư. Khu kinh tế Dung Quất đã thu hút nhiều dự án quy mô lớn như Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất, Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Nhà máy công nghiệp nặng Doosan, Khu công nghiệp đô thị Dung Quất, Khu Công nghiệp - Dịch vụ - Đô thị VSIP và các dự án quan trọng khác. Bên cạnh đó, chính quyền các cấp không ngừng nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư theo hướng tạo điều kiện thuận lợi, thông thoáng cho nhà đầu tư, nhất là đối với vấn đề thủ tục hành chính.

Sức hấp dẫn của thị trường Bất động sản Quảng Ngãi còn được cụ thể hóa bằng chính giá đất đang ở giai đoạn đầu chưa phân hóa so với các thị trường lân cận trong khu vực. Trong khi giá đất tại trung tâm, ven biển Đà Nẵng, Nha Trang đã lên tới vài trăm triệu trên một m² thì giá đất nền ven biển tại Quảng Ngãi vẫn còn mức khá thấp, dao động từ 24-28 triệu đồng/m². Khách quan là do sự chuyển dịch tự nhiên của thị trường. Khi những địa bàn quen thuộc như Khánh Hòa, Đà Nẵng... đã trở nên bão hòa, nhà đầu tư có xu hướng tìm đến các địa bàn mới có quỹ đất rộng, còn nhiều tiềm năng phát triển ở các tỉnh lân cận như Phú Yên, Bình Định, Quảng Ngãi... để khai phá, tối ưu hóa lợi nhuận.

Trong giai đoạn 2021 đến nay, do ảnh hưởng nhiều yếu tố thị trường như giá nguyên vật liệu tăng cao, các ngân hàng siết chặt việc cho vay đầu tư

bất động sản, do đó trong năm 2022 ngành bất động sản gặp nhiều khó khăn trong việc triển khai đầu tư xây dựng. Hầu hết các giao dịch bất động sản trong thời gian đến từ việc mua bán các lô đất thổ cư là chủ yếu, hàng tồn kho của các dự án bất động sản còn nhiều nhưng vẫn neo ở giá cao, dẫn đến việc người dân có nhu cầu mua đất khó giải ngân. Hiện tượng sốt đất, bong bóng gần như không còn xuất hiện, không xuất hiện hoạt động đầu cơ bất động sản trong những năm qua. Việc sử dụng đòn bẩy tài chính mua nhà để đầu tư được nhà đầu tư tính toán một cách thận trọng, hướng vào những sản phẩm phục vụ nhu cầu thực tiễn. Bên cạnh đó, các quy định của pháp luật còn chông chéo, tồn tại dẫn đến việc triển khai đầu tư các dự án bất động sản còn gặp nhiều vướng mắc.

Về giá bất động sản trong thời gian đến sẽ có dấu hiệu tăng giá vì một số nguyên nhân chính: Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng tăng cao; vật liệu xây dựng và các yếu tố đầu tư xây dựng đều tăng; khung giá đất trong thời gian qua được điều chỉnh tăng; đồng thời, thủ tục trong quá trình triển khai thực hiện dự án kéo dài, do vướng mắc quy định pháp luật dẫn đến tăng chi phí đầu tư. Nguồn cung về sản phẩm nhà ở, đất nền của các dự án tăng cao, mặc dù nhu cầu nhà ở cao nhưng do ảnh hưởng kinh tế nên việc người dân giải ngân tiền mua bất động sản gặp nhiều khó khăn.

2.2. Việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 33/NQ-CP ngày 11/3/2023 của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ và thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển an toàn, lành mạnh, bền vững

Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 33/NQ-CP ngày 11/3/2023 của Chính phủ, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện:

- Tập trung xây dựng, phê duyệt các quy hoạch, tạo sự đồng bộ, thống nhất, ổn định của các quy hoạch; gắn kết phát triển công nghiệp, dịch vụ, du lịch, hệ thống kết cấu hạ tầng với phát triển đô thị và các dự án nhà ở để đảm bảo cân đối cung - cầu trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy nhanh, cải cách thủ tục hành chính; đẩy mạnh thực hiện thủ tục hành liên thông; thủ tục hành chính điện tử cấp độ 4, chấm dứt việc đùn đẩy trách nhiệm, gây khó khăn hoặc chậm trễ trong giải quyết các thủ tục triển khai dự án bất động sản trên địa bàn. Đồng thời, tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành, đôn đốc, hướng dẫn, giám sát công tác giải quyết công việc của đội ngũ cán bộ, công chức nhằm kịp thời phát hiện, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh không để kéo dài thời gian, tồn đọng công việc.

- Đẩy mạnh công tác công bố, công khai, minh bạch các thông tin, đảm bảo hiệu quả, kịp thời, đúng bản chất tình hình, tránh các thông tin sai lệch, chú trọng tuyên truyền, phổ biến, công bố công khai các chính sách, quy định, giải pháp mới của Nhà nước về tín dụng, trái phiếu, cổ phiếu, tình hình thị trường bất động sản.

- Kiên quyết xử lý tình trạng cán bộ lơ là, không làm hết trách nhiệm, sợ trách nhiệm và sách nhiễu trong thực thi công vụ, nhất là trong công tác phê duyệt quy hoạch, thực hiện các thủ tục về đầu tư, cấp phép, đấu thầu, đấu giá, định giá đất đai, bất động sản.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật nhằm nâng cao năng lực, sự hiểu biết, tính chuyên nghiệp cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Nâng cao tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu và từng cán bộ, công chức; bảo vệ người làm đúng nhằm khắc phục tâm lý sợ sai, sợ trách nhiệm trong giải quyết công việc của một số cán bộ, công chức, viên chức hiện nay.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả các giải pháp hỗ trợ thị trường bất động sản gắn với chính sách nhà ở cho các đối tượng chính sách, người có thu nhập thấp, nhà ở cho công nhân. Tăng cường công tác nghiên cứu, phân tích, dự báo thị trường đặc biệt là nhu cầu về các loại hình bất động sản công nghiệp, bất động sản dịch vụ, du lịch để đảm bảo nguồn cung cho thị trường, thúc đẩy phát triển sản xuất, tạo việc làm, nhu cầu về nhà ở theo các phân khúc; tạo điều kiện thuận lợi trong tiếp cận vốn đối với phân khúc nhà ở cho người có thu nhập trung bình và thu nhập thấp để thúc đẩy thị trường tự điều chỉnh phù hợp với nhu cầu.

- Tập trung tháo gỡ khó khăn về thủ tục pháp lý của các dự án bất động sản trên địa bàn; tích cực chủ động làm việc trực tiếp với từng doanh nghiệp, từng dự án, nhất là các dự án lớn để lắng nghe các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, của dự án để kịp thời tháo gỡ.

3. Những khó khăn, vướng mắc

- Mặc dù trong thời gian vừa qua, Tỉnh Quảng Ngãi đã quan tâm và luôn chú trọng đến việc phát triển nhà ở xã hội, đặc biệt là nhà ở cho công nhân tại Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi, các vị trí đã được quy hoạch nhà ở cho người lao động làm việc tại các Khu kinh tế, Khu công nghiệp nhưng chưa có nhà đầu tư đăng ký đầu tư.

- Thủ tục đầu tư nhà ở xã hội, nhà ở công nhân còn phức tạp, nhiều điều kiện ràng buộc: Đối tượng mua nhà, điều kiện mua nhà, định mức lợi nhuận, nguồn vốn, thời gian thu hồi vốn chậm... nên các nhà đầu tư chưa quan tâm; nguồn vốn ngân sách cho vay còn hạn chế.

- Việc đầu tư xây dựng nhà ở cho công nhân bằng nguồn vốn ngân sách là rất ít; việc thu hút đầu tư bằng nguồn vốn khác rất khó khăn nguyên nhân chủ yếu là do việc đầu tư đòi hỏi nguồn vốn lớn, nếu chỉ cho thuê, thuê mua thì thời gian thu hồi vốn rất dài, khả năng sinh lợi thấp, vì vậy nhà đầu tư chưa quan tâm đúng mức.

- Trên địa bàn tỉnh hiện nay đã thực hiện quy hoạch bố trí các quỹ đất để phát triển nhà ở xã hội, trong đó có quỹ đất 20% tại các dự án nhà ở thương mại, khu đô thị. Tuy nhiên, nhiều quỹ đất nằm ở vị trí không thuận lợi

để phát triển nhà ở xã hội nên rất khó khăn trong việc kêu gọi đầu tư nhưng lại không thể chuyển mục đích và bố trí quỹ đất thay thế ở các khu vực thuận lợi, tập trung nhu cầu lớn về nhà ở xã hội.

- Nhà nước chưa có cơ chế ưu đãi, hỗ trợ về tín dụng, thuế,... đủ mạnh để thu hút các doanh nghiệp, các nhà đầu tư vào việc phát triển nhà ở xã hội và nhà ở cho công nhân tại Khu công nghiệp.

- Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ được ban hành đã giảm bớt ưu đãi đối với chủ đầu tư các dự án nhà ở xã hội. Theo đó, Nghị định đã không cho phép chủ đầu tư dự án nhà ở xã hội được dành 20% diện tích sàn nhà ở để bán thương mại, chỉ còn hình thức dành 20% tổng diện tích đất ở để đầu tư xây dựng nhà ở thương mại. Trước đây, theo Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ, chủ đầu tư có thể dành 20% đất ở để xây dựng công trình kinh doanh thương mại hoặc dành 20% sàn nhà ở để bán theo giá thương mại.

- Đa phần các doanh nghiệp đầu tư vào các Khu công nghiệp tỉnh có quy mô vừa và nhỏ; do đó, các doanh nghiệp này chưa thực sự quan tâm đến việc đầu tư xây dựng nhà ở để phục vụ nhu cầu của người lao động.

- Chưa có quy định ràng buộc về trách nhiệm của chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp và các doanh nghiệp sử dụng lao động trong việc xây dựng nhà ở cho người lao động làm việc trong khu công nghiệp.

IV. VỀ KẾT QUẢ CÔNG TÁC TRÊN LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC NGÀNH NỘI VỤ

1. Tổ chức bộ máy và biên chế (số liệu tính đến ngày 31/12/2022 so với thời điểm 01/01/2021)

a) Tổ chức bộ máy

- Kết quả sắp xếp tổ chức hành chính trực thuộc cấp tỉnh, cấp huyện: Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII, Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Kế hoạch số 125-KH/TU ngày 05/4/2018 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 04/6/2018, kết quả: Giai đoạn 2017-2022 tỉnh Quảng Ngãi đã thực hiện rà soát, sắp xếp các tổ chức hành chính cấp tỉnh giảm được 04 Chi cục thuộc Sở²², 25 phòng thuộc sở, ban, ngành và 26 phòng thuộc Chi cục thuộc Sở. Đối với các phòng, ban chuyên môn thuộc UBND cấp huyện được thành lập đảm bảo theo quy định nên cơ bản giữ nguyên.

- Kết quả sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNC): Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của Trung ương, Kế hoạch số 126-KH/TU ngày

²² Chi cục Biển và Hải đảo, Chi cục Tiêu chuẩn ĐLCL, Chi cục Giám định xây dựng, Chi cục Văn thư - Lưu trữ.

05/4/2018 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 04/6/2018 để tiếp tục triển khai thực hiện sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các ĐVSNCL trên địa bàn tỉnh. Kết quả tính đến thời điểm 31/12/2022, giảm 193 ĐVSNCL, đạt tỷ lệ 21,98% so với tổng số đơn vị sự nghiệp năm 2015, vượt kế hoạch đến năm 2025. Trong đó, năm 2021 và 2022 giảm 15 đơn vị.

- Kết quả thực hiện tự chủ ĐVSNCL, xã hội hóa hoạt động dịch vụ công.

+ Cấp tỉnh: Tổng số ĐVSNCL được giao tự chủ tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP: 113 đơn vị, trong đó: (1) Số đơn vị tự bảo đảm chi đầu tư và chi thường xuyên: 10 đơn vị; (2) Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên: 19 đơn vị; (3) Số đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: 31 đơn vị; (4) Số đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: 53 đơn vị.

+ Cấp huyện: Tổng số ĐVSNCL được giao tự chủ tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP: 587 đơn vị, trong đó: (1) Số đơn vị tự bảo đảm chi đầu tư và chi thường xuyên: 2 đơn vị; (2) Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên: 18 đơn vị; (3) Số đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: 7 đơn vị; (4) Số đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: 560 đơn vị.

b) Về biên chế (khỏi Nhà nước)

- Kết quả xây dựng vị trí việc làm công chức, viên chức (bao gồm cả cán bộ, công chức cấp xã)

+ *Vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức hành chính*: Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2022 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức; chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, ý kiến Kết luận của Thanh tra Bộ Nội vụ về công tác quản lý biên chế của tỉnh Quảng Ngãi, UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 1564/UBND-NC ngày 07/4/2022 về việc triển khai thực hiện xây dựng lại Đề án vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính theo Nghị định của Chính phủ; đồng thời, chỉ đạo Sở Nội vụ xây dựng văn bản hướng dẫn, tổ chức Hội nghị tập huấn hướng dẫn triển khai xây dựng Đề án cho 22 sở, ban, ngành, tổ chức hành chính và 13 huyện, thị xã, thành phố của tỉnh. Trên cơ sở Đề án vị trí việc làm các sở, ban, ngành, địa phương xây dựng, Sở Nội vụ chủ trì tổ chức thẩm định, đến ngày 31/12/2022 đã trình UBND tỉnh phê duyệt Đề án đối với 35/35 cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh.

+ *Vị trí việc làm của các ĐVSNCL*: Trong ĐVSNCL, theo tính chất, nội dung công việc, vị trí việc làm được phân thành 4 nhóm: vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý; vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành; vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ. Vì vậy, xây dựng vị trí việc làm trong ĐVSNCL theo Nghị định số 106/2020/NĐ-CP của Chính phủ phải có quy định cụ thể của các Bộ, ngành, Trung ương về các nhóm vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập

của từng ngành, lĩnh vực. Tuy nhiên, đến nay chỉ có 04 Bộ, ngành Trung ương²³ đã ban hành hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp đối với từng ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý. Do đó, tỉnh Quảng Ngãi chưa triển khai xây dựng vị trí việc làm trong ĐVSNCL theo quy định tại Nghị định số 106/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

+ *Vị trí việc làm đối với cán bộ, công chức cấp xã*: Hiện nay, cán bộ, công chức cấp xã của tỉnh được bố trí theo chức danh quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ.

- Số liệu về biên chế: Công chức; viên chức; hợp đồng lao động; cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố của địa phương.

+ *Biên chế công chức*: Giai đoạn 2016-2021, biên chế công chức của tỉnh Quảng Ngãi giảm 221 biên chế so với năm 2015, đạt tỷ lệ 10,12% (*năm 2015 giao 2.183, năm 2021 giao 1.962*). Căn cứ Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026, thì tỉnh Quảng Ngãi tiếp tục giảm ít nhất 4,88% biên chế được giao so với năm 2022 (*năm 2022 được giao 1.962 biên chế*). Tại Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị và Quyết định số 59-QĐ/BTCTW ngày 28/9/2022 của Ban Tổ chức Trung ương giao biên chế công chức cho tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022-2026 là 1.864 biên chế, giảm 98 biên chế so với biên chế giao năm 2022, chiếm tỷ lệ 5% (*vượt 0,12%*). Trên cơ sở đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định giao biên chế công chức khối Nhà nước đến năm 2026 là 1.864 biên chế, giảm 98 biên chế; bình quân mỗi năm giảm 1,25%, tương ứng 24,5 biên chế.

Năm 2021 và 2022, biên chế công chức khối Nhà nước của tỉnh Quảng Ngãi được giao là 1.962 biên chế (*biên chế có mặt đến ngày 01/01/2021 là 1.792 người, đến ngày 31/12/2022 là 1.814 người*).

+ *Về số lượng người làm việc (biên chế sự nghiệp) trong các ĐVSNCL*

Tổng số biên chế sự nghiệp trong các ĐVSNCL khối nhà nước giai đoạn 2016-2021 đã giảm 2.841 biên chế (*năm 2015 giao 26.129, năm 2021 giao 23.288*), tương ứng 10,87% so với năm 2015.

Tại Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị và Quyết định số 59-QĐ/BTCTW ngày 28/9/2022 của Ban Tổ chức Trung ương giao biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước cho tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022-2026 là 20.959 biên chế, giảm 2.329 biên chế so với

²³ (1) Thông tư số 14/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực lưu trữ; (2) Thông tư số 36/2022/TT-BGTVT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành giao thông vận tải trong đơn vị sự nghiệp công lập; cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giao thông vận tải; (3) Thông tư số 03/2023/TT-BYT ngày 17/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn về vị trí việc làm, định mức số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp y tế công lập; (4) Thông tư số 07/2023/TT-BCT ngày 23/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực công thương.

biên chế giao năm 2022, chiếm tỷ lệ 10% so với số giao năm 2022 (số giao 23.288). Trên cơ sở đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã quyết định giao biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước đến năm 2026 thuộc khối Nhà nước là 20.959 biên chế (chưa kể 286 biên chế sự nghiệp giáo dục bổ sung năm học 2022-2023), giảm 2.329 biên chế; bình quân mỗi năm giảm 2,5%, tương ứng gần 466 biên chế.

Năm 2021 giao 23.288 biên chế, có mặt đến ngày 01/01/2021 là 20.519 người; năm 2022 giao 22.822 biên chế (giảm 466 biên chế), có mặt đến ngày 31/12/2022 là 20.945 người. Đồng thời, năm học 2022-2023, tỉnh Quảng Ngãi được giao bổ sung 286 biên chế giáo viên (bậc mầm non và tiểu học)²⁴.

+ Hợp đồng lao động (theo Nghị định 68 và Nghị định 161):

Hành chính: Năm 2021 giao 125 người (có mặt tại thời điểm ngày 01/01/2021 là 118 người); năm 2022 giao 122 người (có mặt tại thời điểm ngày 31/12/2022 là 119 người).

Sự nghiệp: Năm 2021 giao 341 người (có mặt tại thời điểm ngày 01/01/2021 là 341 người); năm 2022 giao 294 người (có mặt tại thời điểm ngày 31/12/2022 là 294 người).

+ Cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố:

Số cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố của địa phương được giao (thời điểm ngày 01/01/2021): 3.892 cán bộ, công chức cấp xã; 4.994 người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố. Số cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố của địa phương có mặt tại thời điểm ngày 01/01/2021: 3.660 cán bộ, công chức cấp xã (1683 cán bộ; 1977 công chức); 4.418 người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố (2004 không chuyên trách ở cấp xã; 2414 không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố).

Số cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố của địa phương được giao (thời điểm ngày 31/12/2022): 3.535 cán bộ, công chức cấp xã; 5.008 người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố. Số cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố của địa phương có mặt tại thời điểm ngày 31/12/2022: 3.442 cán bộ, công chức cấp xã (1780 cán bộ; 1662 công chức); 4.318 người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố (1939 không chuyên trách ở cấp xã; 2379 không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố).

- Kết quả thực hiện tinh giản biên chế (số được giao năm 2021 và số liệu đến ngày 31/12/2022 tại các đơn vị hành chính, sự nghiệp công lập, đơn vị hành chính

²⁴ Tại Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị và Quyết định số 59-QĐ/BTCTW ngày 28/9/2022 của Ban Tổ chức Trung ương.

cấp xã, thôn, tổ dân phố ở địa phương): Kết quả thực hiện tinh giản biên chế trong 02 năm 2021 và 2022 là: 583 người, cụ thể: Năm 2021 là 345 người (*Khối hành chính 09 người, khối sự nghiệp trong biên chế 304 người, cán bộ, công chức cấp xã 32 người*); năm 2022 là 238 người (*Khối hành chính 07 người, khối sự nghiệp trong biên chế 190 người, cán bộ, công chức cấp xã 41 người*).

c) Khó khăn, vướng mắc

- Về công tác tổ chức bộ máy: Hầu hết các Bộ, ngành Trung ương vẫn chưa ban hành tiêu chí cụ thể phân loại, điều kiện thành lập, sáp nhập, hợp nhất, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực theo thẩm quyền (*hiện chỉ có 02 lĩnh vực được ban hành: Tư pháp và công thương; chưa trình Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu* thuộc ngành, lĩnh vực (*hiện chỉ có 04 lĩnh vực được ban hành: Nội vụ, tư pháp, văn hóa, giao thông vận tải*) theo quy định Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ nên việc triển khai thực hiện sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập còn nhiều khó khăn, vướng mắc.

- Vị trí việc làm, biên chế:

+ Đề án vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh Quảng Ngãi được xây dựng trên cơ sở căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP và vận dụng danh mục vị trí việc làm theo Quyết định số 2035/QĐ-BNV ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, chưa có các thông tư hướng dẫn của các bộ, ngành có liên quan theo quy định Nghị định số 62/2020/NĐ-CP nên nội dung Đề án vị trí việc làm mang tính chất tạm thời.

+ Hiện nay, vẫn còn bố trí viên chức tại một số cơ quan, tổ chức hành chính, gồm: 59 viên chức tại Chi cục Kiểm lâm và 07 viên chức tại Trạm kiểm dịch động vật Đức Phổ thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thú y.

d) Đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc

- Tiếp tục phổ biến, nâng cao nhận thức, tạo sự thống nhất ý chí và hành động trong các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động về sắp xếp tổ chức bộ máy, xây dựng và thực hiện Đề án vị trí việc làm, tinh giản biên chế trong giai đoạn đến.

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy bên trong các sở, ban, ngành để làm cơ sở thực hiện tinh giản biên chế theo lộ trình quy định đến năm 2026; rà soát, sắp xếp cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và UBND cấp huyện theo Kế hoạch số 135-KH/TU ngày 14/9/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Thông báo số 16-TB/TW ngày 07/7/2022 của Bộ Chính trị về thực hiện một số mô hình thí điểm theo Nghị quyết số 18-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII.

- Tiếp tục sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh trên cơ sở quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế và mục tiêu phát triển

của tỉnh; sắp xếp cơ cấu tổ chức bên trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý đảm bảo tinh gọn, phù hợp theo Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập. Đồng thời chủ động xây dựng, đề xuất phương án tiếp nhận các đơn vị sự nghiệp công lập của các bộ, ngành thuộc lĩnh vực quản lý chuyên về tỉnh và thực hiện việc sắp xếp, cơ cấu lại các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

- Tham mưu triển khai xây dựng, phê duyệt lại Đề án vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

2. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

a) Công tác tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức, viên chức

- Công tác tuyển dụng công chức, viên chức được thực hiện đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định của Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật; tuyển dụng theo nhu cầu vị trí việc làm và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; ngoài một số trường hợp tuyển dụng không qua thi tuyển, còn lại tổ chức thi tuyển cạnh tranh rộng rãi. Tổ chức thi tuyển trên máy tính đối với các môn thi trắc nghiệm bảo đảm khách quan, công bằng, minh bạch hơn. Việc thực hiện hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ở các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo đúng quy định.

Kết quả, từ khi Luật Cán bộ, công chức, viên chức có hiệu lực thi hành, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã tổ chức thi tuyển 294 công chức; tổ chức xét tuyển 107 công chức, tiếp nhận công chức không qua thi tuyển 411 trường hợp; tổ chức thi tuyển 3.981 viên chức, tuyển dụng theo hình thức xét tuyển 3.387 viên chức.

- Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định; thực hiện nghiêm nguyên tắc phó thủ trưởng cơ quan cấp trên không kiêm thủ trưởng cơ quan cấp dưới. Về luân chuyển cán bộ, nhiều cơ quan, đơn vị đã xây dựng đề án, kế hoạch thực hiện và cách làm thận trọng, coi trọng công tác tư tưởng đối với cán bộ được luân chuyển; giải quyết tốt mối quan hệ giữa luân chuyển cán bộ để đào tạo, bồi dưỡng với ổn định, phát triển đội ngũ cán bộ tại chỗ; việc biệt phái viên chức, chuyển công tác đối với viên chức được thực hiện thường xuyên, theo yêu cầu nhiệm vụ và đảm bảo tính khách quan, công bằng, minh bạch.

Việc luân chuyển cán bộ đã góp phần tích cực vào việc đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện cán bộ trong thực tiễn, tạo điều kiện để cán bộ trẻ trưởng thành và phát triển. Qua thực hiện hầu hết các cán bộ được luân chuyển đã hoàn thành nhiệm vụ và tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong thực tiễn, có

phương pháp lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, toàn diện hơn. Việc điều động, luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý đã khắc phục được tình trạng cục bộ, khép kín; tăng cường, bổ sung nhiều cán bộ trẻ, được đào tạo cơ bản; từng bước trẻ hóa và nâng cao chất lượng đội ngũ lãnh đạo, quản lý.

- Việc đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, khắc phục hiện tượng nể nang, hình thức trong đánh giá. Việc đánh giá căn cứ vào chức trách, nhiệm vụ được giao và kết quả thực hiện nhiệm vụ, bảo đảm khách quan, công bằng. Giai đoạn 2010-2022, qua đánh giá, xếp loại hàng năm của các cơ quan, đơn vị, tỉnh Quảng Ngãi có số cán bộ, công chức, viên chức được đánh giá phân loại đạt mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên chiếm tỉ lệ cao.

- Việc thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện thường xuyên, đúng thẩm quyền theo phân cấp hiện hành, bảo đảm đúng quy định của Nhà nước. Chế độ thôi việc, nghỉ hưu đối với cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện đúng theo quy định của Nhà nước.

b) Việc tổ chức thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức

Nhằm chuẩn hoá ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức phù hợp với vị trí việc làm và năng lực công tác của cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; UBND tỉnh Quảng Ngãi đã triển khai thực hiện việc thi nâng ngạch cán sự lên chuyên viên, chuyên viên lên chuyên viên chính, thăng hạng chức danh nghề nghiệp cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo đúng quy định; đồng thời, cử các cán bộ, công chức dự thi nâng ngạch chuyên viên cao cấp do Bộ Nội vụ tổ chức; viên chức dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I do Bộ, ngành Trung ương tổ chức. Nhìn chung, việc tổ chức các kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức luôn được UBND tỉnh Quảng Ngãi thực hiện đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, khách quan, tuân thủ quy định của pháp luật; trong quá trình tổ chức kỳ thi luôn có sự giám sát chặt chẽ của Ban giám sát và bảo mật, bảo vệ kỳ thi của Công an tỉnh.

Kết quả, từ năm 2008 đến nay, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã tổ chức và cử công chức tham gia 37 kỳ thi nâng ngạch công chức và có 934 công chức trúng tuyển, được nâng ngạch công chức; tổ chức và cử viên chức tham gia 30 kỳ thi (xét) thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và có 5.333 viên chức trúng tuyển, được thăng hạng viên chức.

c) Công tác đào tạo, bồi dưỡng và việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức, văn hóa công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

- Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, trong đó chú trọng đào tạo, bồi dưỡng cán

bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý và theo tiêu chuẩn quy định của cán bộ, công chức, viên chức. Công tác đào tạo, bồi dưỡng đã góp phần quan trọng trong việc nâng cao trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, góp phần thực hiện tốt yêu cầu nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, công tác phối hợp trong triển khai nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giữa các cơ quan, đơn vị đôi khi còn chưa chặt chẽ, công tác rà soát nhu cầu và xây dựng kế hoạch chưa sát thực tế dẫn đến số lượng cán bộ, công chức, viên chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng chưa đạt chỉ tiêu đề ra; nội dung một số chương trình đào tạo, bồi dưỡng ít thực hành các kỹ năng xử lý tình huống.

Kết quả, giai đoạn 2010-2022, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã cử đi đào tạo, bồi dưỡng cho 37.302 lượt cán bộ, công chức, viên chức, trong đó: đào tạo sau đại học cho 1.106 người, đào tạo đại học cho 2.376 người, đào tạo cao đẳng cho 218 người; cử đi bồi dưỡng lý luận chính trị, quốc phòng an ninh, lãnh đạo, quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, tin học, ngoại ngữ, tiếng dân tộc cho 33.602 người.

- Việc thực hiện công tác xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo đúng quy trình, quy định của Chính phủ. Tuy nhiên, trong quá trình xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền của các cơ quan, đơn vị, UBND các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh còn một số hạn chế, sai phạm, cụ thể: Thực hiện xử lý kỷ luật chưa đảm bảo thời hạn quy định, một số trường hợp xử lý kỷ luật sai thẩm quyền và một số trường hợp áp dụng hình thức kỷ luật không đúng quy định. Giai đoạn 2010-2022, các cơ quan, đơn vị, địa phương có 100 cán bộ bị kỷ luật; có 111 công chức bị kỷ luật (71 công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý), có 287 viên chức bị kỷ luật (64 viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý), có 154 công chức cấp xã bị kỷ luật.

- Tỉnh đã tổ chức 78 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành liên quan đến Luật cán bộ, công chức, Luật viên chức. Trong đó, 54 cuộc thanh tra (01 cuộc thanh tra đột xuất theo chỉ đạo của UBND tỉnh), 24 cuộc kiểm tra. Nội dung thanh tra, kiểm tra chủ yếu là: Tuyển dụng giáo viên; phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức; chuyển đổi vị trí công tác; công tác quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm, tuyển dụng, điều động, thuyên chuyển, tiền lương, đánh giá, kỷ luật, quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức; công tác thi đua-khen thưởng; việc ký hợp đồng trong các cơ quan hành chính nhà nước; quản lý sử dụng biên chế hành chính, sự nghiệp. Qua thanh tra, kiểm tra tại các cơ quan, đơn vị, địa phương còn có tồn tại, hạn chế như: Công tác bổ nhiệm công chức, viên chức có nơi thực hiện chưa đúng quy trình, thủ tục và chưa đảm bảo về trình độ chuyên môn, trình độ chính trị; công tác tuyển dụng có nơi chưa thực hiện đúng quy trình, thủ tục; việc xếp lương cho viên chức tuyển dụng và xếp mức phụ cấp thâm niên nhà giáo lần đầu cho viên chức chưa đúng quy định; đánh giá xếp loại có nơi chưa đúng quy trình, thẩm

quyền; công tác xử lý kỷ luật chưa đảm bảo quy trình, trình tự, thủ tục theo quy định, nhất là việc xác định chưa đúng thời hiệu, thời hạn xử lý kỷ luật; công tác văn thư lưu trữ: thể thức trình bày văn bản còn có sai sót, vào sổ văn bản đi đến chưa đúng quy định, tài liệu lưu trữ chưa được chỉnh lý khoa học; hệ thống kho lưu trữ và các trang thiết bị cần thiết để bảo quản tài liệu chưa đảm bảo.

- Việc triển khai thực hiện quy chế văn hóa công sở, đề án văn hóa công vụ đã được các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc thực hiện; có 39/39 cơ quan, đơn vị, địa phương đã ban hành cụ thể hóa các quy định về quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp phù hợp với đặc thù tại đơn vị và triển khai đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc thẩm quyền quản lý (đạt tỷ lệ 100%).

Nhìn chung, các quy định về quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp đã và đang từng bước làm thay đổi tác phong, thái độ làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; nâng cao hiệu quả công việc, thay đổi cách nhìn của người dân đối với cán bộ, công chức, viên chức, góp phần tích cực hình thành nền văn hóa công vụ tại các cơ quan, đơn vị, cụ thể như: Trang phục, giao tiếp, ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ngày càng phù hợp với chuẩn mực văn hóa công sở; chủ động tổ chức học tập, quán triệt nâng cao nhận thức, trách nhiệm của công chức, viên chức và người lao động tại các cơ quan, đơn vị về thực hiện Quy chế văn hóa công sở, Quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp; từng bước xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, năng lực và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao; phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi quan liêu, tham nhũng, lãng phí, sách nhiễu, hách dịch, cửa quyền của cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình thực thi nhiệm vụ công vụ; phân định rõ trách nhiệm, thẩm quyền, phạm vi giải quyết công việc của cán bộ, công chức, viên chức; quy định về giao tiếp, ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức... theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch góp phần nâng cao năng lực quản lý nhà nước, sửa đổi lề lối làm việc và chống quan liêu, cửa quyền.

d) Về phần mềm/CSDL và khả năng tích hợp, đồng bộ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước

Thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030; Quyết định số 612/QĐ-BNV ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Kế hoạch triển khai Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan Nhà nước; Công văn số 639/BNV-VP ngày 21/02/2023 của Bộ Nội vụ về việc kết nối, chia sẻ dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC),

tỉnh Quảng Ngãi đã triển khai đến các cơ quan, đơn vị, địa phương cập nhật thông tin, dữ liệu hồ sơ về CBCCVV thuộc thẩm quyền quản lý; đồng thời, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 90/KH-UBND ngày 21/4/2023 triển khai cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Theo kế hoạch, tỉnh đang phối hợp cùng Viễn thông Quảng Ngãi và các cơ quan, đơn vị, địa phương tiến hành cập nhật và tích hợp, đồng bộ dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức; dự kiến đến 15/5/2023, sẽ thực hiện xong công tác chuyển đổi cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức từ phần mềm cũ sang hệ thống phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức mới do tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam cung cấp. Tiếp theo, các cơ quan, đơn vị, địa phương sẽ tiến hành cập nhật thêm các trường thông tin còn thiếu và đảm bảo đến ngày 30/5/2023 tỉnh Quảng Ngãi sẽ tiến hành đồng bộ cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Quảng Ngãi về cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức.

Hiện nay, do hệ thống phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Quảng Ngãi đã cũ, các chức năng và cơ sở dữ liệu chưa đáp ứng đủ 109 trường thông tin của Bộ Nội vụ, do đó phải thực hiện chuyển đổi dữ liệu từ phần mềm cũ sang hệ thống phần mềm mới và cập nhật các trường thông tin còn thiếu. Tuy nhiên, lợi thế là cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Quảng Ngãi được thường xuyên cập nhật nên việc chuyển đổi dữ liệu và tích hợp, chia sẻ dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức tiến hành thuận lợi hơn, dự kiến đáp ứng theo đúng tiến độ được giao.

đ) Khó khăn, vướng mắc

- Tại Điều 6 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và Điều 5 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định người dân tộc thiểu số là đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng công chức, viên chức: được cộng 05 điểm vào kết quả điểm vòng 2. Tuy nhiên, quy định này chưa tạo ra cơ chế, chính sách đặc thù trong tuyển dụng công chức, viên chức người dân tộc thiểu số theo hướng: xét tuyển đặc cách công chức, viên chức đối với nhóm dân tộc rất ít người hoặc nhóm dân tộc có chất lượng nguồn nhân lực thấp; chưa có phương thức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức phù hợp với người dân tộc thiểu số dựa trên tỷ lệ % người dân tộc thiểu số trên địa bàn.

- Tại điểm b Khoản 1 Điều 31 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP quy định trường hợp được xét nâng ngạch công chức trong trường hợp được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý gắn với yêu cầu của vị trí việc làm và Khoản 3 Điều 29 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP quy định xét thăng hạng đặc cách vào hạng chức danh nghề nghiệp cao hơn tương ứng với chức danh được công nhận, bổ nhiệm theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Tuy nhiên, hiện nay Bộ Nội vụ chưa có hướng dẫn cụ thể việc xét nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức đối với các trường hợp bổ nhiệm giữ chức vụ

lãnh đạo, quản lý.

- Tại khoản 8 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ công chức và Luật Viên chức năm 2019 và tại Điều 31 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc nâng ngạch công chức ngoài hình thức thi tuyển còn có hình thức xét tuyển. Tuy nhiên, tại Thông tư số 06/2020/TT-BNV của Bộ Nội vụ chưa có quy định về quy chế tổ chức và nội quy đối với hình thức xét nâng ngạch công chức.

- Theo quy định tại khoản 1 Điều 47 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP của Chính phủ thì *“bổ nhiệm trong trường hợp hợp nhất, sáp nhập, chia tách, tổ chức lại, chuyển đổi mô hình tổ chức mà chức vụ công chức đang giữ ở cơ quan, tổ chức cũ tương đương hoặc cao hơn chức vụ công chức dự kiến đảm nhiệm ở cơ quan, tổ chức mới thì tập thể lãnh đạo và người đứng đầu cơ quan, tổ chức mới trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định chuyển đổi chức vụ theo vị trí việc làm mới tương ứng”*. Tại điểm này quy định chưa rõ, đối với cơ quan, tổ chức mới nếu công chức chưa được bổ nhiệm thì chưa có tập thể lãnh đạo và người đứng đầu để trình cấp có thẩm quyền và quyết định của cấp có thẩm quyền là quyết định bổ nhiệm công chức thay vì quyết định chuyển đổi vị trí việc làm mới tương ứng.

- Nghị định số 112/2020/NĐ-CP của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức chưa có quy định cụ thể thẩm quyền xử lý kỷ luật trong trường hợp người có hành vi vi phạm trong thời gian đang là công chức tại đơn vị cũ, khi chuyển sang cơ quan mới đang là cán bộ mới phát hiện hành vi vi phạm hoặc ngược lại có hành vi vi phạm trong thời gian đang là cán bộ tại đơn vị cũ, khi chuyển sang cơ quan mới đang là công chức mới phát hiện hành vi vi phạm.

- Tại Khoản 2 Điều 1 Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức sửa đổi 2019 quy định về chính sách đối với người có tài năng trong hoạt động công vụ và giao Chính phủ quy định khung chính sách trọng dụng và đãi ngộ đối với người có tài năng trong hoạt động công vụ. Tuy nhiên, hiện nay Chính phủ chưa quy định vấn đề này, gây khó khăn cho Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định chính sách trọng dụng và đãi ngộ đối với người có tài năng trong hoạt động công vụ trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do cấp tỉnh quản lý.

Ngoài ra, còn một số quy định chưa thống nhất, đồng bộ với quy định của Đảng, chồng chéo với pháp luật chuyên ngành khác, cụ thể:

- Chưa có sự thống nhất trong việc quy định chỉ tiêu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ không vượt quá 20% số lượng được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ giữa các quy định đánh giá, xếp loại đảng viên và các tổ chức đảng và quy định tại Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ.

- Tại Khoản 17 Điều 1 Luật sửa đổi Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức số 52/2019/QH14 chưa đồng bộ với Khoản 7 Điều 18 của Quy định số 80-QĐ/TW ngày 18/8/2022 của Bộ Chính trị về phân cấp quản lý cán bộ và

bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử về nội dung quy định khoảng thời gian có thể bổ nhiệm cán bộ giữ chức vụ cao hơn sau khi bị xử lý kỷ luật hình thức khiển trách, cảnh cáo, giáng chức chưa đồng nhất.

- Chưa đồng nhất quy trình bổ nhiệm tại Điều 46 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 21 Quy định số 80-QĐ/TW 18/8/2022 của Bộ Chính trị.

- Tại Điều 66 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định các trường hợp, căn cứ để miễn nhiệm đối với công chức lãnh đạo, quản lý chưa đồng bộ với Điều 5 Quy định số 41-QĐ/TW ngày 03/11/2021 về miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ.

- Việc xét tuyển công chức đối với sinh viên cử tuyển: Số lượng vị trí việc làm ít nhưng vẫn phải thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định số 138/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

e) Đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc

- Cần có cơ chế xét tuyển đặc cách trong tuyển dụng công chức, viên chức đối nhóm dân tộc rất ít người hoặc nhóm dân tộc có chất lượng nguồn nhân lực thấp. Có phương thức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức phù hợp với người dân tộc thiểu số. Theo đó, cần có quy định trong các kỳ tuyển dụng công chức, viên chức do các địa phương tổ chức phải xây dựng tỷ lệ, cơ cấu dành cho người dân tộc thiểu số trúng tuyển, tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức chung hội đồng thi, chung đề thi, chấm điểm chung nhưng khi xác định trúng tuyển đối với người dự thi là người dân tộc thiểu số cần được tổng hợp riêng để xét lấy số điểm từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu ưu tiên cho người dân tộc thiểu số cần tuyển dụng phù hợp với vị trí việc làm và đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Tiếp tục hoàn thiện quy định về đánh giá cán bộ, công chức, viên chức theo định lượng dựa trên kết quả công việc, sớm xây dựng bộ công cụ đánh giá bảo đảm khoa học, khách quan, công khai, minh bạch.

3. Xây dựng chính quyền địa phương và địa giới hành chính

a) Kết quả sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2019-2021 và Kế hoạch sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030

- Kết quả sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2019-2021:

Thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 ngày 12/3/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019-2021; Nghị quyết số 867/NQ-UBTVQH14 ngày 10/01/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi sau khi thực hiện sắp xếp, sáp

nhập ĐVHC cấp huyện, cấp xã đã giảm 1 đơn vị hành chính cấp huyện (*huyện Tây Trà sắp xếp, sáp nhập vào huyện Trà Bồng*) và giảm 11 đơn vị hành chính cấp xã (*huyện Trà Bồng giảm 3 ĐVHC cấp xã; huyện Ba Tơ giảm 1 ĐVHC cấp xã; huyện Bình Sơn giảm 3 ĐVHC cấp xã; huyện Tư Nghĩa giảm 1 ĐVHC cấp xã; giải thể 3 xã thuộc huyện đảo Lý Sơn*). Qua sắp xếp, sáp nhập tổng số cán bộ, công chức, không chuyên trách cấp xã dôi dư là 461 người (*cán bộ, công chức cấp huyện, cấp xã 235 người; người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã: 226 người*).

Để giải quyết số cán bộ, công chức dôi dư do sắp xếp, sáp nhập ĐVHC cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh đảm bảo theo quy định tại Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 ngày 12/3/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019-2021; HĐND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 28/4/2020 của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Theo đó, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ngoài được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định hiện hành còn được hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND, cụ thể: 6 triệu đồng/1 năm làm việc có đóng BHXH đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; 3 triệu đồng/1 năm làm việc đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

Kết quả, từ tháng 02/2020 đến 31/12/2022, địa phương đã thực hiện sắp xếp, bố trí, giải quyết chế độ, chính sách cho 173/235 cán bộ, công chức (tỷ lệ 73,62%); đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư đã giải quyết chế độ, chính sách là 226/226 người (đạt tỷ lệ 100%).

- Về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030:

Thực hiện Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030; Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội); theo số liệu quy mô dân số và diện tích tự nhiên đến thời điểm 31/12/2022, tỉnh Quảng Ngãi có một số ĐVHC cấp huyện, cấp xã chưa đảm bảo tiêu chí quy mô dân số, diện tích tự nhiên, cụ thể như sau:

+ Giai đoạn 2023-2025: 1 ĐVHC cấp xã không đạt 70% cả 2 tiêu chí về quy mô dân số và diện tích tự nhiên (*xã Ba Động, huyện Ba Tơ*); 1 ĐVHC cấp huyện có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 200% quy định (*huyện Lý Sơn*); 8 ĐVHC cấp xã có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 300% quy định (*xã Nghĩa An, phường Trần Hưng Đạo, phường Nguyễn Nghiêm, xã Tịnh Kỳ, xã Nghĩa Phú*

thuộc thành phố Quảng Ngãi; xã Nghĩa Mỹ, thị trấn Sông Vệ thuộc huyện Tư Nghĩa; xã Đức Lợi thuộc huyện Mộ Đức). Tuy nhiên, có 1 huyện và 4 xã thuộc thành phố Quảng Ngãi, huyện Mộ Đức có yếu tố đặc thù (gồm: huyện đảo Lý Sơn có vị trí biệt lập và 4 đơn vị hành chính nông thôn đã được quy hoạch thành đơn vị hành chính đô thị (xã Nghĩa An, Tịnh Kỳ, Nghĩa Phú thuộc thành phố Quảng Ngãi; xã Đức Lợi thuộc huyện Mộ Đức)) nên thuộc đối tượng không bắt buộc thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã theo tinh thần tại mục 2.2 Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị.

+ Giai đoạn 2026-2030, tỉnh Quảng Ngãi có 3 ĐVHC cấp huyện không đạt 100% cả 2 tiêu chí về quy mô dân số và diện tích tự nhiên; 20 ĐVHC cấp xã không đạt 100% cả 2 tiêu chí về quy mô dân số và diện tích tự nhiên; 2 ĐVHC cấp huyện có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 30% và quy mô dân số dưới 200% quy định; 21 ĐVHC cấp xã có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 30% và quy mô dân số dưới 300% quy định.

Sau khi Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030, tỉnh Quảng Ngãi sẽ thực hiện việc sắp xếp đơn vị hành chính đảm bảo theo quy định.

b) Việc thành lập mới và điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính đô thị

Thực hiện Nghị quyết số 867/NQ-UBTVQH14 ngày 10/01/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Quảng Ngãi, theo đó, tỉnh Quảng Ngãi thành lập thị xã Đức Phổ và 8 phường thuộc thị xã Đức Phổ. Hiện nay, tỉnh Quảng Ngãi đang tiếp tục cập nhật, bổ sung số liệu để hoàn thiện Đề án thành lập thị trấn Minh Long thuộc huyện Minh Long.

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội), đến năm 2025, tỉnh Quảng Ngãi trình Bộ Nội vụ Đề án thành lập thị xã Bình Sơn và các phường thuộc thị xã Bình Sơn; thành lập 7 phường thuộc thành phố Quảng Ngãi (trên cơ sở các xã Tịnh Khê, Tịnh An Tây, Nghĩa Đông, Nghĩa Dũng, Tịnh Long, Tịnh An và Nghĩa Phú).

c) Việc hoàn thiện hồ sơ bản đồ địa giới hành chính theo dự án 513

Thực hiện Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ về “Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính”, UBND tỉnh đã giao Sở Nội vụ chủ trì phối hợp với UBND các huyện, thành phố tiến hành lập mới, chỉnh lý, bổ sung và hoàn thiện bộ hồ sơ, bản đồ ĐGHC các cấp của tỉnh Quảng Ngãi. Bộ hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính các cấp tỉnh Quảng Ngãi đã đảm bảo 4 tính chất: Đầy đủ, chính xác, pháp lý và thống nhất; đã được đưa vào quản lý, sử dụng và nộp lưu trữ Quốc gia theo văn bản số 3641/BNV-CQĐP

của Bộ Nội vụ ngày 10/8/2015 về việc lưu trữ, quản lý, sử dụng bộ hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính các cấp tỉnh Quảng Ngãi. Để đảm bảo hồ sơ, bản đồ ĐGHG các cấp của tỉnh hoàn thiện theo Quyết định số 513/QĐ-TTg, Bộ Nội vụ đề nghị UBND tỉnh Quảng Ngãi chỉ đạo Sở Nội vụ lập bổ sung Thiết kế Kỹ thuật - Dự toán thực hiện Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ. Đến nay UBND tỉnh đã phê duyệt bổ sung Thiết kế Kỹ thuật - Dự toán thực hiện Quyết định số 513/QĐ-TTg và địa phương đang triển khai thực hiện các bước tiếp theo đảm bảo hoàn thành dự án đúng tiến độ theo Quyết định số 302/QĐ-TTg ngày 28/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

Đối với hồ sơ, bản đồ, mốc địa giới hành chính tuyến Quảng Ngãi - Bình Định (thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi với thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định), tỉnh Quảng Ngãi đã có văn bản kèm hồ sơ, bản đồ gửi tỉnh Bình Định để ký xác nhận tính pháp lý. Hiện tỉnh Bình Định đang rà soát tính pháp lý của hồ sơ theo quy định.

Đối với hồ sơ, bản đồ, mốc địa giới hành chính tuyến Quảng Ngãi - Quảng Nam còn vướng mắc (*hiện nay có 92 hộ dân (462 nhân khẩu) của xã Trà Giáp, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam đang sinh sống trên địa phận xã Trà Thanh, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi*), tỉnh Quảng Ngãi đã có văn bản đề nghị tỉnh Quảng Nam ký xác nhận tính pháp lý theo chỉ đạo của Bộ Nội vụ tại Công văn 5258/BNV-CQĐP ngày 20/10/2022. Tuy nhiên, đến nay tỉnh Quảng Nam chưa ký xác nhận tính pháp lý, trong thời gian đến, tỉnh Quảng Ngãi tiếp tục đề nghị đề giải quyết dứt điểm vướng mắc đối với tuyến địa giới hành chính giữa tỉnh Quảng Ngãi - Quảng Nam.

d) Kết quả bố trí, sắp xếp và giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố

Tính đến ngày 31/12/2022, tỉnh Quảng Ngãi có 3442 cán bộ, công chức cấp xã (*1780 cán bộ, 1662 công chức*) và 4318 người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố (*1939 người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; 2379 người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố*).

Việc thực hiện chế độ, chính sách (tiền lương, phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, chế độ chính sách khi thôi việc, nghỉ hưu, nghỉ hưởng chế độ khác của nhà nước) đối với cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố được thực hiện đảm bảo kịp thời, đúng quy định.

đ) Khó khăn, vướng mắc

Tính đến ngày 01/01/2023, số lượng cán bộ, công chức cấp xã dôi dư do sắp xếp sáp nhập theo Nghị quyết số 867/NQ-UBTVQH14 cần giải quyết vẫn còn nhiều so với quy định (*hiện còn 62 cán bộ, công chức cấp xã dôi dư so*

với quy định thuộc các huyện Trà Bồng (11 người), Tư Nghĩa (5 người), Bình Sơn (20 người), Lý Sơn (18 người), Ba Tơ (8 người). Nguyên nhân: Số lượng cán bộ, công chức cấp xã dôi dư do sáp nhập đơn vị hành chính tương đối nhiều, cùng với số lượng cán bộ, công chức cấp xã dôi dư do thực hiện Nghị định số 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ (*giảm 2 cán bộ, công chức cấp xã /1 ĐVHC cấp xã*); chủ trương bố trí công an chính quy và sắp xếp, bố trí, tuyển dụng Đội viên đề án 500 trí thức trẻ theo Nghị quyết số 136/NQ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ²⁵ đã tạo áp lực rất lớn đối với địa phương về bố trí, sử dụng cán bộ, công chức cấp xã.

e) Đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc

Địa phương tiếp tục rà soát, điều chỉnh và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các phương án bố trí, sắp xếp số công chức dôi dư do sáp nhập để đảm bảo thực hiện đúng lộ trình và số lượng theo quy định.

4. Công tác Cải cách hành chính

a) Về triển khai thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 gắn với đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng Chính phủ số, chính quyền số

- Thực hiện hướng dẫn của Trung ương về CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 và triển khai Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030, để triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC của tỉnh, Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết chuyên đề số 04-NQ/TU ngày 18/10/2021; HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh về đẩy mạnh CCHC, nâng cao thứ hạng các chỉ số CCHC, hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025; UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản để làm cơ sở triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC theo Chương trình tổng thể CCHC giai đoạn 2021-2030 của Chính phủ. Đồng thời, thành lập Ban Chỉ đạo CCHC và nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh.

- Trong năm 2023, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch CCHC năm 2023²⁶, trong đó xác định cụ thể 60 nhiệm vụ phải thực hiện, tiến độ hoàn thành để yêu cầu các sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện có hiệu quả; thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc²⁷ trong quá trình thực hiện. Ngoài ra, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản²⁸ để làm cơ sở triển khai và tổ chức thực

²⁵ về giải pháp bố trí đối với Đội viên Đề án thí điểm tuyển chọn trí thức trẻ tình nguyện về các xã tham gia phát triển nông thôn, miền núi giai đoạn 2013-2020 sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

²⁶ Quyết định số 1782/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch CCHC tỉnh năm 2023.

²⁷ Công văn số 495/UBND-TTHC ngày 14/02/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện Kế hoạch CCHC của tỉnh năm 2023.

²⁸ Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 12/01/2023 về kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2023, Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 31/01/2023 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2023, Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 16/01/2023 triển khai công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2023 trên địa bàn tỉnh, Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 30/01/2023 ban hành Kế hoạch hoạt

hiện nhiệm vụ trên tất cả các lĩnh vực CCHC trong năm 2023.

- Triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC gắn với chuyển đổi số, xây dựng Chính phủ số, chính quyền số, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2023; ban hành Bộ Chỉ số đánh giá chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi²⁹; chỉ đạo triển khai thực hiện Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 26/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ³⁰; đôn đốc các đơn vị, địa phương thực hiện và báo cáo về công tác số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC, đăng tải các TTHC lên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.

- Để thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm trong công tác chuyển đổi số năm 2023 của tỉnh, Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi đã thực hiện kiện toàn Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo³¹, tổ chức họp Ban Chỉ đạo lần 1 trong tháng 01/2023; hoàn thành việc tổng hợp, đánh giá chấm điểm chỉ số DTI năm 2022 của tỉnh và nhập báo cáo trên Hệ thống phần mềm chấm điểm của Bộ Thông tin và Truyền thông đúng thời gian quy định. Đăng ký hỗ trợ sử dụng Nền tảng khảo sát, thu thập ý kiến Vnform; giao Văn phòng UBND tỉnh phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các đơn vị VNPT, Viettel tiến hành thử nghiệm nền tảng trợ lý ảo (AI): Triển khai thử nghiệm Hệ thống VNPT Chatbot tích hợp vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC (igate 2.0) của tỉnh, triển khai thử nghiệm Tổng đài Calbot của Viettel để giải đáp ý kiến phục vụ cho người dân và doanh nghiệp thực hiện TTHC trên địa bàn tỉnh.

b) Kết quả xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2022

Kết quả điểm và xếp hạng các Chỉ số PAR INDEX, SIPAS, PAPI và PCI của tỉnh Quảng Ngãi năm 2022 cụ thể như sau:

- Chỉ số PAR INDEX đạt 86,08/100 điểm, xếp hạng 27/63 tỉnh, thành phố; giảm 0,37 điểm, tăng 12 bậc so với năm 2021 (năm 2021 đạt 86,45/100 điểm, xếp hạng 39/63 tỉnh, thành phố).

- Chỉ số SIPAS đạt 7,85/10 điểm, xếp hạng 49/63 tỉnh, thành phố; giảm 0.60 điểm, tăng 04 bậc so với năm 2021 (năm 2021 đạt 8,45/10 điểm, xếp hạng 53/63 tỉnh, thành phố).

- Chỉ số PAPI đạt 42,93/80 điểm, xếp hạng 23/63 tỉnh, thành phố; tăng 1,95 điểm, tăng 20 bậc so với năm 2021 (năm 2021 đạt 40,98/80 điểm, xếp hạng 43/63 tỉnh, thành phố).

động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2023; Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 30/01/2023 về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2023, Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 13/02/2023 kiểm tra hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2023, Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 15/02/2023 về truyền thông về hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2023 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 40/KH-UBND ngày 01/3/2023 về tuyên truyền cải cách hành chính năm 2023; Kế hoạch số 189/KH-UBND ngày 09/12/2022 về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2023.

²⁹ Kế hoạch số 189/KH-UBND ngày 09/12/2022 về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2023; Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 07/02/2023 về việc ban hành Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi.

³⁰ Công văn số 353/UBND-KGVX ngày 02/02/2023.

³¹ Quyết định số 01/BCĐ ngày 07/02/2023 về kiện toàn Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi.

- Chỉ số PCI đạt 65,18/100 điểm, xếp hạng 33/63 tỉnh, thành phố; tăng 2,21 điểm, tăng 12 bậc so với năm 2021 (năm 2021 đạt 62,97/100 điểm, xếp hạng 45/63 tỉnh, thành phố).

Nhìn chung, các Chỉ số PAR INDEX, SIPAS, PAPI và Chỉ số PCI năm 2022 của tỉnh Quảng Ngãi có sự chuyển biến tích cực, thứ hạng các Chỉ số đều tăng so với năm 2021.

Để phát huy những kết quả đã đạt được và nâng cao thứ hạng các Chỉ số PAR INDEX, SIPAS, PAPI và PCI của tỉnh Quảng Ngãi trong năm 2023 và những năm tiếp theo, tỉnh ban hành đầy đủ các văn bản và tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ các nhiệm vụ CCHC trên tất cả các lĩnh vực: thể chế, thủ tục hành chính, tổ chức bộ máy, chế độ công vụ, tài chính công, xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, trong đó chú trọng triển khai thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030 gắn với đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng Chính phủ số, chính quyền số; thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, giáo dục; thường xuyên tổ chức đối thoại giữa lãnh đạo tỉnh với tổ chức, doanh nghiệp nhằm kịp thời xử lý, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc của doanh nghiệp, góp phần cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh và hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp.

Ngoài ra, Tỉnh chỉ đạo Sở Nội vụ phối hợp với các sở, ngành liên quan thường xuyên kiểm tra, giám sát nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm, tinh thần, thái độ phục vụ của CB,CC,VC trong thực thi công vụ, không để xảy ra tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà trong giải quyết công việc, TTHC. Thực hiện nghiêm việc xin lỗi tổ chức, cá nhân đối với các trường hợp trễ hẹn, sai sót trong giải quyết TTHC do cơ quan, đơn vị gây ra.

c) Các khó khăn, vướng mắc:

Trong quá trình triển khai thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030, tỉnh Quảng Ngãi có một số khó khăn, vướng mắc, cụ thể:

- Việc tra cứu Giấy phép lái xe (GPLX) bị vi phạm trên hệ thống phần mềm quản lý (*tại địa chỉ <http://csgt.vn/tracuu>*) của ngành Công an thường xuyên bị quá tải nên không thể tra cứu GPLX vi phạm kịp thời. Đồng thời, Công an các địa phương có nơi còn chậm cập nhật vào hệ thống phần mềm tra cứu GPLX vi phạm hoặc khi người vi phạm giao thông đã chấp hành xử lý xong nhưng vẫn không xóa vi phạm trên hệ thống phần mềm quản lý của ngành Công an, vì vậy khi xử lý cấp đổi GPLX trực tuyến còn gặp khó khăn.

- Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch và Hệ thống quản lý lý lịch tư pháp thường xuyên mất kết nối, quá tải, ảnh hưởng đến việc giải quyết thủ tục

hành chính tại địa phương.

- Nhiều trường hợp UBND cấp xã đã chuyển dữ liệu đăng ký khai sinh sang cơ quan bảo hiểm, hệ thống báo “đã hoàn thành” nhưng cơ quan bảo hiểm không nhận được dữ liệu.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Trên cơ sở các khó khăn, vướng mắc nêu trên, Tỉnh Quảng Ngãi có những kiến nghị, đề xuất đối với Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành trung ương (*chi tiết theo Phụ lục đính kèm*).

UBND tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Đoàn công tác theo Quyết định 435/QĐ-TTg ngày 24/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Tài chính, Công Thương, Nông nghiệp và PTNT, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Lao động, Thương binh và Xã hội;
- BQL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- NHNN Việt Nam-CN Quảng Ngãi.
- VPUB: CVP, PCVP, các phòng, ban, đơn vị;
- Lru: VT, KTTHphap219.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đặng Văn Minh

PHỤ LỤC. CÁC KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT
(Kèm theo Báo cáo số 9/QĐ/BC-UBND ngày 15/5/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



NỘI DUNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

TT	
1	<p>Đổi với Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội</p> <p>Tỉnh Quảng Ngãi là một trong 18 tỉnh, thành phố của cả nước có số thu ngân sách điều tiết về ngân sách trung ương; tuy GRDP bình quân đầu người xếp thứ 2 so với 14 tỉnh, thành phố vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ, nhưng nếu tính thu nhập bình quân đầu người thì thấp hơn bình quân của cả nước; vẫn còn là một tỉnh nghèo với tỷ lệ hộ nghèo thuộc nhóm cao nhất khu vực, nhu cầu cho đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng là rất lớn nhưng điều kiện nguồn lực của Tỉnh còn hạn chế. Hiện nay, quy định sử dụng 70% từ nguồn tăng thu ngân sách địa phương để thực hiện cải cách tiền lương, 30% để chi đầu tư phát triển làm ảnh hưởng rất lớn đến nguồn lực đầu tư, do đó, cần có cơ chế cho sử dụng linh hoạt hơn nếu địa phương đảm bảo đủ kinh phí cho cải cách tiền lương.</p> <p>Kính đề nghị Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nghiên cứu, đề xuất nâng mức chi đầu tư phát triển, đặc biệt là đổi với các địa phương có điều tiết về ngân sách trung ương, sử dụng 50% từ nguồn tăng thu ngân sách địa phương để cải cách tiền lương và 50% để chi đầu tư phát triển.</p>
2	<p>Kể từ khi Nhà máy lọc dầu Dung Quất đưa vào hoạt động đến nay, đã nộp cho ngân sách trung ương khoảng 153 nghìn tỷ đồng và thuế xuất nhập khẩu từ Khu kinh tế Dung Quất khoảng 53 nghìn tỷ đồng; tuy nhiên, trong giai đoạn này, ngân sách trung ương chi hỗ trợ đầu tư hạ tầng Khu kinh tế Dung Quất là 1.583 tỷ đồng (bằng khoảng 1% nguồn thu). Hiện nay, hệ thống hạ tầng Khu kinh tế Dung Quất xuống cấp nghiêm trọng, ảnh hưởng rất lớn đến việc thu hút đầu tư, hoạt động của các doanh nghiệp trong Khu kinh tế Dung Quất và tình hình an ninh, an toàn, tinh mạng, đời sống của Nhân dân trên địa bàn.</p> <p>Kính đề nghị Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nghiên cứu, đề xuất ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu hàng năm cho Khu kinh tế Dung Quất tương ứng mức 10%-15% số thu trên địa bàn nộp về ngân sách trung ương để tái đầu tư, sửa chữa, nâng cấp hệ thống kết cấu hạ tầng.</p>
3	<p>Nghi quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (gọi tắt là Chương trình phục hồi) được triển khai trong 02 năm 2022-2023. Theo thông báo danh mục và mức vốn của Trung ương, Tỉnh Quảng Ngãi có 08 dự án với số vốn của Chương trình phục hồi là 631 tỷ đồng, tuy nhiên, trong năm 2023 Trung ương mới giao vốn để thực hiện Chương trình phục hồi. Đến nay, Tỉnh Quảng Ngãi mới được giao vốn cho 05/08 dự án với tổng số vốn là 355 tỷ đồng, còn lại 276 tỷ đồng của 03 dự án chưa được Trung ương giao. Do đó, Tỉnh Quảng Ngãi kính đề nghị Trung ương sớm giao phần vốn còn lại của Chương trình phục hồi cho tỉnh để triển khai các dự án.</p>

NỘI DUNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

TT	<p>Đồng thời, các dự án khởi công mới thường phải mất thời gian 03 tháng để triển khai đầy đủ các thủ tục đầu tư trước khi khởi công theo quy định. Tuy nhiên thời gian thi công từ nay đến cuối năm còn khoảng 07 tháng, trong khi đó mùa mưa bão đã đến gần (khoảng 03 tháng) không thi công được, đặc biệt là các dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp (các dự án như: hồ, đập,...), nên thời gian thực tế thi công chỉ còn khoảng 04 tháng và khả năng giải ngân sẽ không hết kế hoạch vốn của Chương trình phục hồi. Do vậy, để phù hợp với thực tiễn thi công, Tỉnh Quảng Ngãi kính đề nghị Chính phủ kiến nghị Quốc hội cho phép kéo dài thời gian bố trí vốn và thực hiện hoàn thành các dự án của Chương trình phục hồi sang năm 2024, đối với số vốn của Chương trình phục hồi năm 2023 sẽ chuyển sang bố trí cho các dự án có khả năng giải ngân tốt khác trong năm 2023 của tỉnh.</p>
4	<p>Hiện nay, theo quy định tại Điều 21 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các Luật chuyên ngành, Nghị định của Chính phủ, Thông tư của các Bộ, ngành Trung ương quy định hầu hết các nội dung thuộc thẩm quyền chung của UBND tỉnh quyết định. Để thực hiện đúng quy định này, UBND tỉnh phải tổ chức họp hoặc lấy ý kiến thành viên UBND tỉnh để xem xét, quyết định, việc này mất nhiều thời gian, làm chậm trễ trong công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh và có nội dung cũng không cần thiết phải thông qua tập thể UBND tỉnh, trong khi nhiều nội dung yêu cầu tiến độ thời gian giải quyết gấp hoặc một số nội dung chỉ do một số cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh tham mưu, như đất đai, khoáng sản, giá đất, tài sản công, giải quyết kiến nghị, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, người dân trong đầu tư, sản xuất kinh doanh....</p>
	<p>Vì vậy, Tỉnh Quảng Ngãi kiến nghị Bộ Nội vụ xem xét trình Chính phủ kiến nghị Quốc hội sửa đổi, bổ sung thẩm quyền của Thường trực UBND tỉnh tại khoản 8 Điều 21 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, như sau: “Phân cấp, ủy quyền cho Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp dưới, cơ quan, tổ chức khác thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh”.</p>
	<p>Đồng thời, kiến nghị các Bộ, ngành Trung ương khi xây dựng các Luật chuyên ngành, Nghị định của Chính phủ, Thông tư của Bộ, ngành nghiên cứu tăng cường quy định các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh.</p>
II	<p>Đối với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ</p>
1	<p>Về quy hoạch tỉnh</p>
1.1	<p>Kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, điều chỉnh một số chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất đến năm 2025 quốc gia phân bổ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với yêu cầu thực tiễn; đồng thời, cho phép Tỉnh Quảng Ngãi cũng như các địa phương chưa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh lập Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai trong quy hoạch tỉnh, trên cơ sở chỉ tiêu đất tính toán theo nhu cầu, định hướng phát triển trong thời kỳ quy hoạch, theo hướng mở so với chỉ tiêu đất đai được phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày</p>

NỘI DUNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

TT	
	<p>09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ để tạo sự chủ động cho các địa phương, tránh việc phải điều chỉnh quy hoạch sau này. Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với chỉ tiêu Đất trồng lúa: Cho phép Tỉnh điều chỉnh sử dụng tăng 6.748,68 ha. - Đối với chỉ tiêu Đất trồng cây hàng năm khác: Cho phép Tỉnh điều chỉnh sử dụng tăng 6.603,73ha. - Đối với chỉ tiêu Đất trồng cây lâu năm: Cho phép Tỉnh điều chỉnh sử dụng tăng 8.614,94ha. - Đối với chỉ tiêu Đất rừng sản xuất: Cho phép Tỉnh điều chỉnh sử dụng tăng 4.059,17ha. - Đối với chỉ tiêu đất nuôi trồng thủy sản: Cho phép Tỉnh điều chỉnh sử dụng tăng 1.163,48 ha. - Đối với chỉ tiêu đất khu sản xuất nông nghiệp: Cho phép Tỉnh điều chỉnh sử dụng tăng 16.274,43ha. - Đối với chỉ tiêu đất khu dân cư nông thôn: Cho phép Tỉnh điều chỉnh sử dụng tăng 6.831,22ha.
1.2	<p>Kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, phân cấp cho UBND cấp tỉnh thực hiện phê duyệt kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh. Đồng thời, bổ sung nội dung ủy quyền hoặc phân cấp cho các địa phương trên cơ sở các khung định hướng phương án phát triển các ngành, lĩnh vực trong quy hoạch tỉnh, đối với các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của địa phương thì địa phương được phép điều chỉnh các nội dung (về số lượng, quy mô, công suất, lộ trình khai thác...) đảm bảo phù hợp với thực tiễn và các quy định pháp luật hiện hành.</p>
2	<p>Về bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương</p> <p>Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương cho tỉnh Quảng Ngãi là 15.214,2 tỷ đồng. Tuy nhiên, căn cứ quy định của Luật Đầu tư công, trên cơ sở khả năng dự toán thu chi ngân sách theo Kế hoạch tài chính 05 năm của tỉnh, HĐND tỉnh đã quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Quảng Ngãi cao hơn so với Trung ương giao là 11.412,649 tỷ đồng. Do đó, kính đề nghị các Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính quan tâm trình Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh, bổ sung kế hoạch trung hạn nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025, đồng thời, trong các năm 2024-2025 giao tăng nguồn vốn này cho Tỉnh để đảm bảo kế hoạch trung hạn đã được HĐND tỉnh giao.</p>
3	<p>Về cơ chế, chính sách</p>
3.1	<p>Kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt cơ chế giao cho UBND tỉnh Quảng Ngãi quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng Bến cảng Bến Đình, huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi (Liên quan đến nội dung này, UBND tỉnh đã có Công văn số 1897/UBND-KTN ngày 27/4/2023 gửi Bộ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải về việc đề nghị trình Thủ tướng Chính phủ ban hành cơ chế giao cho UBND tỉnh Quảng Ngãi quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng Bến cảng Bến Đình, huyện Lý</p>

NỘI DUNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT	
TT	Sơn, tỉnh Quảng Ngãi).
3.2	Đề góp phần phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho người thu nhập thấp tại địa phương đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Tỉnh Quảng Ngãi kiến nghị Chính phủ xem xét các nội dung sau:
(1)	Cho phép chỉ định trực tiếp chủ đầu tư thực hiện đầu tư xây dựng dự án nhà ở xã hội trong trường hợp vị trí được quy hoạch, dự kiến chỉ có 01 nhà đầu tư đề xuất thực hiện.
(2)	Điều chỉnh, bổ sung các chính sách pháp luật hiện hành để giảm thời gian thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến thiết lập dự án, đầu tư xây dựng để các dự án sớm triển khai.
(3)	Việc thực hiện quy định dành quỹ đất 20% ở các dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại, khu đô thị theo Điều 5 Nghị định số 100/2015/NĐ-CP, Nghị định số 49/2021/NĐ-CP chưa phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, nhu cầu nhà ở của người dân tại địa phương đó; đặc biệt là tại những khu vực, địa bàn có địa hình phức tạp (đồi núi, ven biển), có quỹ đất đồi dào, giá đất thấp, chưa có nhu cầu cấp thiết về nhà ở xã hội, dẫn tới tình trạng lãng phí về nguồn lực đất đai. Do đó, cần điều chỉnh bổ sung quy định của Luật Nhà ở, Nghị định về phát triển nhà ở xã hội: Đối với việc bố trí quỹ đất 20% tại các dự án nhà ở thương mại, khu đô thị để phát triển nhà ở xã hội sửa đổi theo hướng không bố trí quỹ đất 20% tại các dự án nhà ở thương mại, khu đô thị và giao cho địa phương tự quyết định nhưng phải đảm bảo bố trí đủ quỹ đất để phát triển nhà ở xã hội theo Chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở đã được phê duyệt.
4	Các dự án đầu tư, xây dựng: Kính đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành:
4.1	Đầu tư nâng cấp mở rộng Tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 24C (đoạn Km0 đến Km6+200 (từ cảng Dung Quất đến Ngã tư Bình Thuận)): Trong thời gian qua, với lưu lượng phương tiện vận chuyển hàng hoá xuất nhập khẩu qua cảng Dung Quất hàng năm là rất lớn; trong khi đó đoạn tuyến này mới đầu tư Bm=7,5m (02 làn xe), gây rất nhiều khó khăn trong việc lưu thông, vận chuyển hàng hoá và tìm an nguy cơ mất an toàn cho người và phương tiện tham gia giao thông trên đoạn tuyến này, gây bức xúc cho các doanh nghiệp và người dân đóng trên địa bàn. Trong thời gian đến, các dự án lớn như: Nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất; Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất 2; cảng container quốc tế Dung Quất và các dự án sản phẩm sau thép... sẽ đồng loạt triển khai xây dựng và đi vào hoạt động, lưu lượng phương tiện giao thông vận chuyển hàng hóa, vật liệu xây dựng, thiết bị sẽ tăng lên đột biến, đặc biệt là hoạt động xuất nhập khẩu tại cảng Dung Quất. Vì vậy, việc đầu tư nâng cấp, mở rộng đoạn tuyến này theo mặt cắt quy hoạch (với Bn= 47,5m, Bmặt=2x11,25m=22,5m, Bđpc=5,0m, Bliè=2x10,0m=20,0m) cần thiết và cấp bách nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh, vận chuyển hàng hóa của các doanh nghiệp; đồng

NỘI DUNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

TT	
	<p>thời, từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông trên địa bàn, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.</p>
4.2	<p>Đầu tư xây dựng Tuyến đường Trì Bình - Nhà ga Sân bay Chu Lai (chiều dài 8km, tổng mức đầu tư khoảng 800 tỷ đồng, từ nguồn vốn NSTW) nhằm kết nối giao thông liên vùng giữa Khu kinh tế Dung Quất và Khu kinh tế mở Chu Lai để tạo điều kiện thuận lợi liên kết thu hút đầu tư, hợp tác hỗ trợ phát triển trên mọi lĩnh vực giữa Khu kinh tế mở Chu Lai và Khu kinh tế Dung Quất, góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội giữa hai tỉnh Quảng Nam và Quảng Ngãi nói riêng và vùng kinh tế trọng điểm miền Trung nói chung; đồng thời rút ngắn quãng đường, thời gian lưu thông từ Quảng Ngãi đến Sân bay Chu Lai nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại của nhân dân, du khách và nhà đầu tư đến Quảng Ngãi.</p>
4.3	<p>Huy động nguồn lực để sớm đầu tư nâng cấp, mở rộng cảng hàng không quốc tế Chu Lai trở thành trung tâm vận chuyển hàng hóa quốc tế nhằm đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng khách và hàng hóa, phát triển dịch vụ logistics theo quy hoạch được duyệt.</p>
4.4	<p>Chỉ đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét triển khai giai đoạn 2 Dự án “Triển khai KCN sinh thái tại Việt Nam theo hướng tiếp cận từ Chương trình KCN sinh thái toàn cầu”, trong đó có triển khai 01-02 KCN tại KKT Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi. Đây là tiền đề quan trọng để nhân rộng các KCN mới và chuyển đổi các KCN hiện hữu sang mô hình KCN sinh thái tại tỉnh Quảng Ngãi nói riêng và Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung nói chung.</p>
III	<p>Đổi với các Bộ, ngành Trung ương</p>
1	<p>Kính đề nghị các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường và các Bộ ngành liên quan nghiên cứu sớm sửa đổi các quy định, chính sách có liên quan đến: đầu tư, đầu tư công, ngân sách, đất đai, môi trường, PCCC,... nhất là các quy định có liên quan đến công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; hướng dẫn cụ thể liên quan đến việc nghiệm thu PCCC.</p>
2	<p>Kính đề nghị Bộ Tài chính quan tâm, hỗ trợ Tỉnh Quảng Ngãi trong quá trình vận động các dự án ODA và ký Hiệp định vay của các Nhà tài trợ nước ngoài. Riêng đối với dự án Phục hồi và Quản lý rừng bền vững khu vực miền Trung và miền Bắc Việt Nam - Dự án KFW9 (giai đoạn 1) tỉnh Quảng Ngãi được phê duyệt sử dụng vốn vay và viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Đức, tuy nhiên, theo thông báo của Bộ Tài chính do Chính phủ Đức không đồng ý gia hạn thêm thời hạn hoàn thành việc ký kết Thỏa thuận và viện trợ cho dự án đã hết hạn ngày 31/12/2022 nên không thể huy động nguồn vốn ODA của Chính phủ Đức để thực hiện dự án này. Liên quan đến nội dung này, tỉnh đã báo cáo và đề xuất trung ương xem xét, hỗ trợ vốn ngân sách trung ương (hoặc vốn ODA khác) để thực hiện dự án; kính đề nghị Bộ Tài chính có văn bản hướng dẫn đổi với dự án này.</p>

NỘI DUNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT	
TT	
3	<p>Kính đề nghị Bộ Công Thương:</p> <p>Từ giữa năm 2018 thị trường sản phẩm lọc hóa dầu nội địa có nhiều thay đổi khi NMLD Nghi Sơn đi vào sản xuất. Nguồn cung xăng dầu trong nước tăng lên rất nhiều khiến cho cán cân cung cầu xăng dầu nội địa dần được cân bằng. Bên cạnh đó, với các yêu cầu về tiêu chuẩn khí thải theo Quyết định 49/2011/QĐ-TTg ngày 01/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ, sản lượng xăng dầu cung ứng trên thị trường có thời điểm sẽ vượt nhu cầu nội địa hoặc có những thời điểm sản phẩm xăng dầu của BSR không thể tiêu thụ được tại thị trường nội địa. Để đảm bảo cho Nhà máy được vận hành an toàn và liên tục, ngoài phương án tiêu thụ tối đa sản phẩm tại thị trường nội địa, Công ty CP lọc hóa dầu Bình Sơn (gọi tắt là BSR) buộc phải có kế hoạch xuất khẩu sản phẩm của NMLD Dung Quất sang các nước trong khu vực khi sản phẩm của nhà máy không thể tiêu thụ được tại thị trường nội địa (ngoài ra, hàng năm BSR xuất khẩu khoảng hơn 140-150 nghìn tấn FO). Tuy nhiên, sản phẩm lọc dầu của BSR khi xuất khẩu vẫn không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, do đó, phần thuế GTGT tăng không được khấu trừ này đang được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh. Điều này không những làm tăng chi phí sản xuất kinh doanh mà còn làm giảm đi lợi thế cạnh tranh cũng như bất lợi cho BSR trong quá trình kinh doanh.</p> <p>Kính đề nghị Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính xem xét, kiến nghị cấp có thẩm quyền loại bỏ các sản phẩm được chế biến từ tài nguyên dầu thô ra khỏi danh sách các sản phẩm không chịu thuế GTGT khi xuất khẩu (bao gồm cả xuất khẩu trực tiếp từ BSR hoặc thông qua các đầu mối).</p>
3.2	<p>Sớm triển khai Đề án mở rộng và xây dựng Trung tâm lọc hóa dầu và Năng lượng Quốc gia tại Khu kinh tế Dung Quất theo Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị.</p>
3.3	<p>Căn cứ Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, quy định: “<i>Chi có thương nhân có Giấy phép kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu được tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu xăng dầu và nguyên liệu</i>”. Hiện tại, BSR không phải là thương nhân có giấy phép kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu nên không được thực hiện hoạt động kinh doanh tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu dầu thô. Do đó, BSR không thể bán lại các lô dầu thô đã mua từ nước ngoài chưa nhập khẩu vào Việt Nam.</p> <p>Để giải quyết khó khăn nêu trên, kính đề nghị Bộ Công Thương, kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh lại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, theo hướng: Cho phép BSR bán lại các lô dầu thô mua từ nước ngoài trong trường hợp cấp bách khi bị ảnh hưởng do dịch bệnh, thiên tai, chiến tranh, khi nhà máy có sự cố hỏng hóc, dừng vận hành hoặc không còn nhu cầu sử dụng.</p>

NỘI DUNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

TT	
3,4	<p>Theo quy định tại Thông tư số 176/2014/TT-BTC ngày 17/11/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế đối với đầu thô Bạch Hồ. Trường hợp BSR phải xuất khẩu trong trường hợp Nhà máy phải dừng sản xuất thì mức thuế xuất khẩu có thể được tính thêm lần nữa cho BSR. Điều này dẫn đến việc BSR không thể xuất khẩu hoặc xuất khẩu không hiệu quả.</p> <p>Để giảm hạn chế thiệt hại khi NMLD Dung Quất phải dừng khẩn cấp hoạt động sản xuất kinh doanh, kính đề nghị Bộ Công Thương xem xét, kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét cho hoàn thuế hoặc khấu trừ thuế, đặc biệt đối với đầu thô Bạch Hồ khi BSR phải xuất khẩu nhằm linh hoạt hơn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.</p>
4	<p>Kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục triển khai xây dựng “<i>Đề án lựa chọn một số khu kinh tế ven biển trọng điểm¹ để tập trung hỗ trợ đầu tư từ NSTW cho phát triển hệ thống đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách giai đoạn 2023-2025 và 2026-2030</i>”, trong đó có Khu kinh tế Dung Quất: Nội dung này Thủ tướng Chính phủ đã thực hiện trong giai đoạn 2013-2015², giai đoạn 2016-2020³ và cũng đã được quy định tại Khoản 4, Điều 23, Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế.</p>
5	<p>Về các Chương trình mục tiêu quốc gia: Đề địa phương có cơ sở vận dụng và triển khai thực hiện các Chương trình MTQG có hiệu quả, Tỉnh Quảng Ngãi đề xuất, kiến nghị Ban chỉ đạo, các Ban, Bộ, ngành Trung ương xem xét một số nội dung sau:</p>
5.1	<p><i>Kinh đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Sớm tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ. - Bổ sung quy định cơ chế đặc thù quản lý thực hiện nguồn vốn đầu tư của dự án được liệt kê theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ vào Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 27/2022/NĐ-CP hoặc quy định cho phép áp dụng cơ chế hỗ trợ tại Nghị định 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ đối với dự án này.
5.2	<p><i>Kinh đề nghị Bộ Tài chính:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Sớm trình Chính phủ phân bổ kế hoạch vốn sự nghiệp giai đoạn 2021-2025. - Hướng dẫn rõ nội dung và mức chi cho các hoạt động xúc tiến đầu tư, thu hút đầu tư tại Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày

¹ Theo tiêu chí định lượng như: vị trí chiến lược, cảng, sân bay, dự án động lực, tình hình thu hút đầu tư, sản xuất kinh doanh, đóng góp nguồn thu NSNN và các chỉ tiêu phát triển khác...

² Công văn số 1231/TTg-KTTH ngày 17/8/2012 của Thủ tướng Chính phủ về đề án rà soát, xây dựng tiêu chí lựa chọn một số KKT ven biển để tập trung đầu tư giai đoạn 2013-2015.

³ Công văn số 2021/TTg-KTTH ngày 09/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ lựa chọn một số KKT ven biển để tập trung đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2016-2020.

NỘI DUNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT	
TT	04/3/2022 của Bộ Tài chính. - Bổ sung nội dung chi và mức chi cho hoạt động quản lý dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị và dự án hỗ trợ phát triển vùng trồng được liệt kê tại Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính, đề các cơ quan quản lý các dự án này có kinh phí để thực hiện (nhất là chi cho các hoạt động thẩm định dự án).
5.3	<i>Kính đề nghị Ủy ban Dân tộc:</i> - Bổ sung quy định quản lý thực hiện Chương trình hoặc sớm ban hành văn bản hướng dẫn và quy định kinh phí chi cho các hoạt động: Hội nghị, Hội thảo, chi mua sắm trang thiết bị, văn phòng phẩm phục vụ chương trình do ngân sách địa phương bố trí trong dự toán hàng năm cho cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg hoặc đề nghị Bộ Tài chính. - Đối tượng thực hiện Nội dung Đào tạo đại học và sau đại học bị thu hẹp do quy định tại Khoản 2 Điều 47 Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc chỉ quy định đối tượng là sinh viên học tại các cơ sở giáo dục đại học được tiếp nhận sau khi hoàn thành chương trình dự bị đại học; hiện nay, đối tượng học sinh học dự bị đại học trên địa bàn tỉnh rất ít nên gặp rất nhiều khó khăn trong việc triển khai thực hiện và giải ngân vốn. Kính đề nghị Ủy ban Dân tộc điều chỉnh đối tượng thụ hưởng trong Thông tư 02/2022/TT-UBND như Quyết định số 1719/QĐ-TTg. - Ban hành văn bản quy định hình thức cho vay, định mức cho vay, thời gian cho vay và lãi suất vay đối với nội dung hỗ trợ cho các hộ dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn.
5.4	<i>Kính đề nghị Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội:</i> Điều chỉnh tăng mức hỗ trợ học nghề cho đối tượng là lao động nông thôn tại Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 do định mức hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề cho đối tượng là lao động nông thôn theo quy định này còn thấp.
5.5	<i>Kính đề nghị Ủy ban Dân tộc và Bộ Y tế:</i> - Tại Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ và tại điểm d Khoản 3 Điều 12 Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22/9/2022 của Bộ Y tế quy định: “ <i>Hỗ trợ kinh phí đầu tư để cải tạo xây dựng cơ sở chế biến dược liệu quý để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện nước, nhà xưởng và mua trang thiết bị trong hàng rào dự án</i> ”. Tuy nhiên, hiện nay các dự án này chưa có cơ sở chế biến dược liệu quý theo quy định của Chương trình nên không thể thực hiện đầu tư để cải tạo xây dựng cơ sở chế biến dược liệu quý mà chủ yếu là đầu tư, xây dựng mới cơ sở chế biến dược liệu quý. Vì vậy, kính đề nghị Ủy ban Dân tộc, Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. - Đề nghị bổ sung quy định hỗ trợ trang thiết bị, máy móc, dụng cụ sản xuất đối với các dự án sản xuất theo chuỗi giá trị vào Quyết định số 1719/QĐ-TTg hoặc cho áp dụng Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Chương

NỘI DUNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

TT	trình nông thôn mới (cho phép áp dụng cơ chế hỗ trợ cho HTX (trong chuỗi) theo Nghị định 98/2018/NĐ-CP về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp).
5.6	<p><i>Kinh đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch:</i></p> <p>Hướng dẫn cụ thể tiêu chí nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người dân tộc thiểu số và nội dung tổ chức Ngày hội, giao lưu, liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số cấp tỉnh, cấp huyện, xã tại Hướng dẫn số 677/HD-BVHTTDL ngày 03/3/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>
5.7	<p><i>Kinh đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông:</i></p> <p>Hướng dẫn thực hiện nội dung “Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự” của Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc Dự án 10.</p>
6	<p>Thời hạn làm việc được cấp theo giấy phép lao động là 02 năm, tuy nhiên thời hạn cấp visa (thị thực) là dưới 01 năm đối với lao động có quốc tịch Trung Quốc; cơ quan thực hiện thủ tục cấp visa là Cục Quản lý xuất nhập cảnh tại Hà Nội. (Trước đây, có cho phép Phòng Quản lý Xuất nhập cảnh Công an tỉnh tiếp nhận và luân chuyển ra Cục Xuất nhập cảnh); do đó, các doanh nghiệp ở Quảng Ngãi phải ra Cục Quản lý xuất nhập cảnh tại Hà Nội để thực hiện thủ tục này, nên mất nhiều thời gian và chi phí đi lại. Ngoài ra, theo quy định tại Luật Xuất nhập cảnh, tùy thuộc vào mức vốn đầu tư của doanh nghiệp mà người nước ngoài được cấp Visa (thị thực) thời hạn 05 năm; tuy nhiên, quy định tại Bộ Luật Lao động năm 2019, thời hạn cấp, gia hạn giấy phép lao động và xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động tối đa không quá 02 năm... Do đó, kính đề nghị Bộ Công an, Bộ Lao động, Thương mại và Xã hội cần có sự đồng nhất trong các văn bản liên quan đến giải quyết các thủ tục hành chính và sớm đề xuất sửa đổi, bổ sung cho phù hợp nhằm hỗ trợ tạo điều kiện cho doanh nghiệp.</p>
7	<p>Kinh đề nghị Bộ Nội vụ hướng dẫn và tham mưu cấp có thẩm quyền:</p>
7.1	<p>Bộ Nội vụ tiếp tục phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương ban hành Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành; vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu chức danh nghề nghiệp; định mức biên chế đối với từng ngành thuộc thẩm quyền quản lý; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành <i>danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu</i> thuộc các ngành, lĩnh vực theo quy định Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ.</p>
7.2	<p>Bộ Nội vụ xem xét, đề xuất mở rộng đối tượng được áp dụng chính sách tinh giản biên chế: Đối tượng là công chức không thuộc diện đối dư do sắp xếp tổ chức hoặc không thuộc diện không cơ cấu bổ nhiệm lại mà không còn tâm huyết với công việc.</p>

NỘI DUNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT	
TT	
7.3	<p>Tại điểm b Khoản 1 Điều 31 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP quy định trường hợp được xét nâng ngạch công chức trong trường hợp được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý gắn với yêu cầu của vị trí việc làm và Khoản 3 Điều 29 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP quy định xét thăng hạng đặc cách vào hạng chức danh nghề nghiệp cao hơn tương ứng với chức danh được công nhận, bổ nhiệm theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Kính đề nghị Bộ Nội vụ hướng dẫn cụ thể việc xét nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức đối với các trường hợp bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.</p>
7.4	<p>Tại Khoản 2 Điều 1 Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức sửa đổi năm 2019 quy định về chính sách đối với người có tài năng trong hoạt động công vụ và giao Chính phủ quy định khung chính sách trọng dụng và đãi ngộ đối với người có tài năng trong hoạt động công vụ. Tuy nhiên, hiện nay Chính phủ chưa quy định vấn đề này, gây khó khăn cho Tỉnh trong việc quy định chính sách trọng dụng và đãi ngộ đối với người có tài năng trong hoạt động công vụ trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do cấp tỉnh quản lý. Kính đề nghị Bộ Nội vụ sớm tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định đối với nội dung này.</p>
8	<p>Kính đề nghị Bộ Công an sửa lại API xác thực thông tin hộ gia đình để làm cơ sở tính giảm trừ mức đóng BHYT hộ gia đình; nâng cấp hệ thống http://csqt.vn/tracuu của ngành để đường truyền luôn ổn định.</p>